



**QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU MỞ RỘNG CHUBB**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỲ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021**



## QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU MỞ RỘNG CHUBB

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CHO KỲ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021

| NỘI DUNG                                                                                        | TRANG |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|
| Thông tin chung về Quỹ                                                                          | 1     |
| Công bố trách nhiệm của Công ty Quản lý Quỹ đối với báo cáo tài chính giữa niên độ              | 2     |
| Phê chuẩn báo cáo tài chính giữa niên độ của Ban Đại diện Quỹ                                   | 3     |
| Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ                                               | 4     |
| Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ                                                                 | 6     |
| Báo cáo của Ngân hàng Giám sát                                                                  | 17    |
| Báo cáo thu nhập giữa niên độ (Mẫu số B 01g – QM)                                               | 18    |
| Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ (Mẫu số B 02g – QM)                                    | 19    |
| Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ (Mẫu số B 03g – QM) | 21    |
| Báo cáo danh mục đầu tư (Mẫu số B 04g – QM)                                                     | 22    |
| Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (Mẫu số B 05g – QM)                                     | 23    |
| Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (Mẫu số B 06g – QM)                              | 25    |

## **QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU MỞ RỘNG CHUBB**

### **THÔNG TIN CHUNG**

**Giấy chứng nhận Đăng ký chào bán  
chứng chỉ Quỹ ra công chúng**

58/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 24  
tháng 10 năm 2018

**Giấy chứng nhận Đăng ký lập  
Quỹ đại chúng**

35/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 3  
tháng 4 năm 2019

**Ban Đại diện Quỹ**

Ông Trịnh Thanh Cần  
Ông Nguyễn Trọng Đức  
Bà Trần Việt Hương

Chủ tịch  
Thành viên  
Thành viên

**Công ty Quản lý Quỹ**

Công ty TNHH Một Thành Viên Quản lý Quỹ Chubb Life

**Ngân hàng Giám sát**

Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered (Việt Nam)

**Trụ sở đăng ký**

Lô K, Tầng 8, Tòa nhà Sun Wah,  
115 Nguyễn Huệ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh,  
Việt Nam

**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH PwC (Việt Nam)

## **QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU MỞ RỘNG CHUBB**

### **CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Ban Điều hành của Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ Chubb Life (“Công ty Quản lý Quỹ”) chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính và danh mục đầu tư của Quỹ Đầu tư Trái phiếu Mở rộng Chubb (“Quỹ”) tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động, thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Quỹ cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Điều hành của Công ty Quản lý Quỹ được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở Quỹ hoạt động liên tục trừ khi không thích hợp để cho là Quỹ sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Điều hành của Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính và danh mục đầu tư của Quỹ với mức độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở lập báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh số 4 của báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Điều hành của Công ty Quản lý Quỹ cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Quỹ và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các gian lận và hoặc nhầm lẫn khác.

Chủ tịch của Công ty Quản lý Quỹ ủy quyền cho Ông Bùi Thanh Hiệp, Phó Chủ tịch của Công ty Quản lý Quỹ để phê duyệt và ký báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 theo Thư Ủy quyền ngày 27 tháng 5 năm 2021.



## QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU MỞ RỘNG CHUBB

### PHÊ CHUẨN BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm từ trang 6 đến trang 49. Báo cáo tài chính giữa niên độ này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính và danh mục đầu tư của Quỹ tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động, thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Quỹ cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho quỹ mở bao gồm Thông tư 198/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, Thông tư 181/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 13 tháng 11 năm 2015 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở, Thông tư 98/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 16 tháng 11 năm 2020 về hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các quỹ mở.

Thay mặt Ban Đại diện Quỹ



---

Trịnh Thanh Cần  
Chủ tịch  
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
Ngày 13 tháng 8 năm 2021

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ GỬI CÁC NHÀ ĐẦU TƯ CỦA QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU MỞ RỘNG CHUBB**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Quỹ Đầu tư Trái phiếu Mở rộng Chubb (“Quỹ”) được lập ngày 30 tháng 6 năm 2021 và được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt ngày 13 tháng 8 năm 2021. Báo cáo tài chính giữa niên độ này bao gồm: báo cáo thu nhập giữa niên độ, báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ Quỹ giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021, báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ, báo cáo danh mục đầu tư tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 16 đến trang 49.

### **Trách nhiệm của Ban Điều hành của Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ Chubb Life (“Công ty Quản lý Quỹ”)**

Ban Điều hành của Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho quỹ mở bao gồm Thông tư 198/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở (“Thông tư 198/2012/TT-BTC”), Thông tư 181/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 13 tháng 11 năm 2015 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở (“Thông tư 181/2015/TT-BTC”), Thông tư 98/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 16 tháng 11 năm 2020 về hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán (“Thông tư 98/2020/TT-BTC”) và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các quỹ mở. Ban Điều hành của Công ty Quản lý Quỹ cũng chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Quý tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 cũng như kết quả hoạt động và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Quý cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho quỹ mở bao gồm Thông tư 198/2012/TT-BTC, Thông tư 181/2015/TT-BTC, Thông tư 98/2020/TT-BTC và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho quỹ mở.

### Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PwC (Việt Nam)



Trần Thị Thanh Trúc  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:  
3047-2019-006-1  
Chữ ký được ủy quyền

Số hiệu báo cáo soát xét: HCM11100  
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 8 năm 2021



## QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU MỞ RỘNG CHUBB

### BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

#### 1 THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU MỞ RỘNG CHUBB (“QUỸ”)

##### 1.1 Mục tiêu của Quỹ

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là tối đa hóa lợi nhuận đồng thời bảo toàn vốn cho Nhà Đầu tư thông qua việc đầu tư vào các tài sản có thu nhập cố định an toàn và một phần vào các cổ phiếu cơ bản có hoạt động kinh doanh tốt và được tự do chuyển nhượng với mục đích phân tán rủi ro đầu tư và mang lại cho các Nhà Đầu tư kết quả tốt nhất từ việc quản lý danh mục đầu tư phù hợp với các quyết định của Đại hội Nhà Đầu tư và quy định của Pháp luật.

##### 1.2 Hiệu quả hoạt động của Quỹ

Theo báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ đã được soát xét, tính đến kỳ báo cáo, thay đổi giá trị tài sản ròng (“NAV”) trên một đơn vị chứng chỉ Quỹ (NAV/CCQ) là tăng 10,23% so với NAV/CCQ của Quỹ tại ngày thành lập.

##### 1.3 Chính sách và chiến lược đầu tư của Quỹ

Quỹ định hướng xây dựng một danh mục tập trung chủ yếu vào trái phiếu và tài sản có thu nhập cố định. Trong đó, trái phiếu sẽ bao gồm trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, trái phiếu chào bán ra công chúng, trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng có uy tín hoặc có cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu 1 lần trong 12 tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu ba mươi phần trăm (30%) giá trị đợt phát hành, trong đó ưu tiên trái phiếu của các tổ chức phát hành là các công ty, tập đoàn lớn. Các tài sản thu nhập cố định khác bao gồm tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi hoặc hợp đồng tiền gửi tại các ngân hàng uy tín.

Việc phân bổ tài sản có thể thay đổi đáng kể tùy thuộc vào nhận định của Công ty Quản lý Quỹ, với mục đích bảo toàn vốn và mang lại lợi nhuận tối ưu cho Nhà Đầu tư. Ngoài ra, Quỹ có thể cân nhắc đầu tư vào một danh mục đa dạng với các cổ phiếu niêm yết theo quy định của Pháp luật có giá trị vốn hóa lớn cũng như thanh khoản cao trên Sở giao dịch chứng khoán.

##### 1.4 Phân loại của Quỹ

Quỹ là quỹ đại chúng dạng mở.

##### 1.5 Thời gian khuyến cáo đầu tư của Quỹ

Quỹ không bị giới hạn về thời hạn hoạt động.

##### 1.6 Mức độ rủi ro ngắn hạn

Quỹ có mức độ rủi ro ngắn hạn thấp.

##### 1.7 Thời điểm bắt đầu hoạt động của Quỹ

Quỹ bắt đầu hoạt động từ ngày 3 tháng 4 năm 2019.

##### 1.8 Quy mô Quỹ tại thời điểm báo cáo

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, NAV của Quỹ là 110.305.485.761 Đồng Việt Nam (“VND”), tương ứng với 10.006.827,21 chứng chỉ Quỹ.

##### 1.9 Chỉ số tham chiếu của Quỹ

Chỉ số Trái phiếu Chính phủ năm (05) năm của HNX.

## QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU MỞ RỘNG CHUBB

### BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

#### 1 THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU MỞ RỘNG CHUBB (tiếp theo)

##### 1.10 Chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ

Quỹ phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư dựa trên Nghị quyết của Đại hội Nhà Đầu tư, phù hợp với Điều lệ của Quỹ và quy định của pháp luật chứng khoán hiện hành.

##### 1.11 Lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một đơn vị chứng chỉ Quỹ ở thời điểm báo cáo

Quỹ chưa tiến hành phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư.

#### 2 SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG

##### 2.1 Cơ cấu tài sản của Quỹ

|                                                     | Tại ngày       |                |
|-----------------------------------------------------|----------------|----------------|
|                                                     | 30/6/2021<br>% | 30/6/2020<br>% |
| 1. Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền | 1,19           | 11,54          |
| 2. Hợp đồng tiền gửi có kì hạn trên ba (3) tháng    | 82,11          | 76,22          |
| 3. Chứng chỉ tiền gửi                               | 13,56          | 9,41           |
| 4. Tài sản khác                                     | 3,14           | 2,83           |
|                                                     | <u>100,00</u>  | <u>100,00</u>  |

##### 2.2 Chi tiết chỉ tiêu hoạt động

|                                                                                | Tại ngày        |                 |
|--------------------------------------------------------------------------------|-----------------|-----------------|
|                                                                                | 30/6/2021       | 30/6/2020       |
| 1. Giá trị tài sản ròng của Quỹ (VND)                                          | 110.305.485.761 | 106.012.733.310 |
| 2. Tổng số chứng chỉ Quỹ đang lưu hành (số lượng)                              | 10.006.827,21   | 10.058.831,58   |
| 3. Giá trị tài sản ròng của một đơn vị chứng chỉ Quỹ ("CCQ")                   | 11.023,02       | 10.539,27       |
| 4. Giá trị tài sản ròng cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND)       | 11.023,02       | 10.539,27       |
| 5. Giá trị tài sản ròng thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND)      | 10.799,18       | 10.276,01       |
| 6. Giá cuối ngày của 1 đơn vị CCQ tại ngày báo cáo (VND)                       | Không áp dụng   | Không áp dụng   |
| 7. Giá cuối ngày cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND)              | Không áp dụng   | Không áp dụng   |
| 8. Giá cuối ngày thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND)             | Không áp dụng   | Không áp dụng   |
| 9. Tổng tăng trưởng (%) / 1 đơn vị CCQ (%)                                     | 4,58%           | 4,82%           |
| 9.1. Tăng trưởng vốn (%) / 1 đơn vị CCQ (Thay đổi do biến động giá)            | Không áp dụng   | Không áp dụng   |
| 9.2. Tăng trưởng thu nhập (%) / 1 đơn vị CCQ (Tính trên thu nhập đã thực hiện) | 4,58%           | 4,82%           |
| 10. Phân phối gộp trên 1 đơn vị CCQ (VND)                                      | -               | -               |
| 11. Phân phối ròng trên 1 đơn vị CCQ (VND)                                     | -               | -               |
| 12. Ngày chốt quyền (Ex-date of distribution)                                  | -               | -               |
| 13. Tỷ lệ chi phí hoạt động của Quỹ (%)                                        | 2,06%           | 2,09%           |
| 14. Tốc độ vòng quay danh mục (%)                                              | 13,70%          | 9,55%           |



## QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU MỞ RỘNG CHUBB

### BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

## 2 SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)

### 2.3 Tăng trưởng qua các thời kỳ

| Giai đoạn        | Tổng tăng trưởng của NAV/CCQ (%) | Tăng trưởng NAV/CCQ hàng năm (%) |
|------------------|----------------------------------|----------------------------------|
| 1 năm            | 4,59                             | 4,59                             |
| 3 năm            | 9,63                             | 4,70                             |
| Từ khi thành lập | 10,23                            | 4,44                             |

### 2.4 Tăng trưởng hàng năm

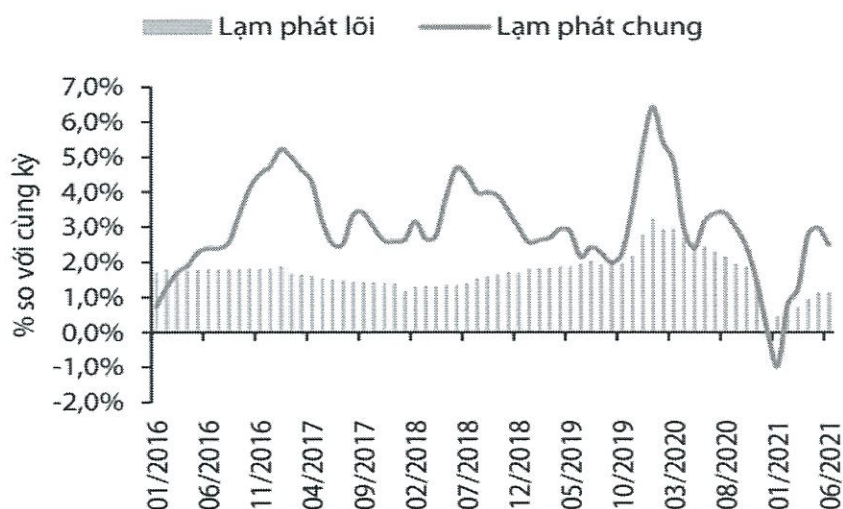
| Thời kỳ                            | 30/6/2021 | 30/6/2020 |
|------------------------------------|-----------|-----------|
| Tỷ lệ tăng trưởng (%)/1 đơn vị CCQ | 4,58%     | 4,82%     |

## 3 MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG KỲ

### Kinh tế vĩ mô

Nền kinh tế quý 2/2021 chịu ảnh hưởng nặng nề bởi dịch bệnh Covid-19: Tổng sản phẩm trong nước (GDP) 6 tháng đầu năm 2021 tăng 5,64% thấp hơn mục tiêu đề ra của chính phủ, và để đạt được mục tiêu tăng GDP 6,5% trong năm nay thì tăng trưởng 6 tháng cuối năm phải đạt trên 7,2%. 6 tháng đầu năm 2021 chịu ảnh hưởng nặng nề nhất của dịch Covid-19 khi Chính phủ chỉ đạo thực hiện mạnh mẽ các giải pháp nhằm giãn cách xã hội, trong đó khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,82%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,36%; khu vực dịch vụ tăng 3,96%. GDP được dự báo có thể được cải thiện trong Quý 3 ở mức khoảng 6,6-7% khi hoạt động sản xuất kinh doanh trong nước dần được phục hồi.

Chỉ số giá tiêu dùng bình quân 6 tháng đầu năm 2021 tăng 1,47% so với bình quân cùng kỳ năm 2020, thấp hơn mức năm 2020 là 4,19%. Rủi ro lạm phát trong quý 2 đến từ giá lương thực, thực phẩm đặc biệt là giá thực phẩm có xu hướng tăng mạnh trong ngắn hạn do làn sóng tích trữ lương thực và sản lượng suy giảm ở đồng bằng sông Cửu Long. Giá dầu thô thế giới được dự báo sẽ tăng khoảng 30% trong năm 2021 và sự phục hồi của kinh tế thế giới nói chung và kinh tế Việt Nam nói riêng sẽ tạo áp lực lên giá cả nhiều hàng hoá, dịch vụ trong thời gian tới.





## QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU MỞ RỘNG CHUBB

### BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

#### 3 MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG KỲ (tiếp theo)

##### Kinh tế vĩ mô (tiếp theo)

Về hoạt động sản xuất: Theo IHS Markit, Chỉ số Nhà Quản trị Mua hàng (Purchasing Managers' Index - PMI) của Việt Nam đạt 44,1 trong tháng 6, giảm mạnh so với 53,1 trong tháng 5 và nằm dưới ngưỡng trung tính 50 điểm lần đầu tiên trong năm tháng. Kết quả chỉ số thể hiện tình trạng kinh doanh suy giảm mạnh nhất trong hơn một năm và kết thúc thời kỳ tăng kéo dài 6 tháng. Rào cản lớn nhất cho việc phục hồi mạnh mẽ sắp tới là kết quả hoạt động của nền kinh tế thế giới, khi ảnh hưởng của virus vẫn đang lan rộng. Số lượng đơn đặt hàng xuất khẩu mới tiếp tục giảm, trong khi các công ty tiếp tục gặp khó khăn khi Việt Nam bắt đầu thực hiện giãn cách xã hội.

Hoạt động xuất nhập khẩu vẫn là điểm sáng trong lĩnh vực kinh tế trong 6 tháng đầu năm 2021, Tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa 6 tháng năm 2021 đạt 316,73 tỷ USD, tăng 32,2% so với cùng kỳ năm 2020. Trong đó xuất khẩu đạt 157,63 tỷ USD, tăng 28,4%; nhập khẩu đạt 159,1 tỷ USD, tăng 36,1%. Cán cân thương mại 6 tháng đầu năm 2021 ước tính nhập siêu 1,47 tỷ USD. Tuy vậy, dự báo sẽ cán cân thương mại sẽ thặng dư khi số đơn hàng xuất khẩu trong các quý tới từ các thị trường lớn như Mỹ, EU, Trung Quốc sẽ tăng trưởng mạnh.

##### Chính sách tiền tệ

Tăng trưởng tín dụng đến ngày 21/06/2021 đạt 5,47% so với đầu năm, cao hơn nhiều so với mức tăng trưởng huy động vốn chỉ là 3,13% và tổng phương tiện thanh toán là 3,48%. Trong bối cảnh các thị trường tài sản như chứng khoán hay bất động sản tiếp tục tăng trưởng mạnh mẽ đã hút một lượng vốn lớn từ kênh tiền gửi chảy sang, cũng như hạn chế bớt dòng vốn mới chảy vào ngân hàng, ngược lại dư nợ tín dụng đã tăng trưởng khá tốt trong 4 tháng đầu năm nay dựa trên kỳ vọng nền kinh tế phục hồi trở lại, trước khi có tín hiệu tăng chậm lại khi Việt Nam bước vào đợt bùng phát dịch lần thứ 4 kéo dài từ đầu tháng 5 đến nay. Có thể thấy chênh lệch giữa tăng trưởng tín dụng và huy động vốn đang ngày càng mở rộng.

##### Thị trường chứng khoán

Thị trường chứng khoán Việt Nam 6 tháng đầu năm 2021 có bước tăng trưởng mạnh, lập kỷ lục lịch sử về điểm số, thanh khoản, số tài khoản mở mới... Kết thúc phiên giao dịch cuối cùng của tháng 6/2021, chỉ số VN-Index đạt mức 1.408,55 điểm, tăng 6,06% so với tháng 5/2021 và tăng 27,6% so với cuối năm 2020 và tăng mạnh 112,6% so với thời điểm cuối tháng 3/2020 (thời điểm vùng đáy của thị trường). Trong khi đó, chỉ số VNAllshare đạt 1.423,95 điểm, tăng 4,25% so với tháng 05/2021 và tăng 37,92% so với cuối năm 2020; VN30 đạt 1.529 điểm, tăng 3,68% so với cuối tháng 05/2021 và tăng 42,79% so với cuối năm 2020. Căng thẳng chính trị Mỹ - Trung và đặc biệt biến cố dịch bệnh Covid-19 bùng phát trên toàn cầu sẽ tiếp tục ảnh hưởng tiêu cực tới thị trường tài chính toàn cầu và Việt Nam.

## QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU MỞ RỘNG CHUBB

### BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

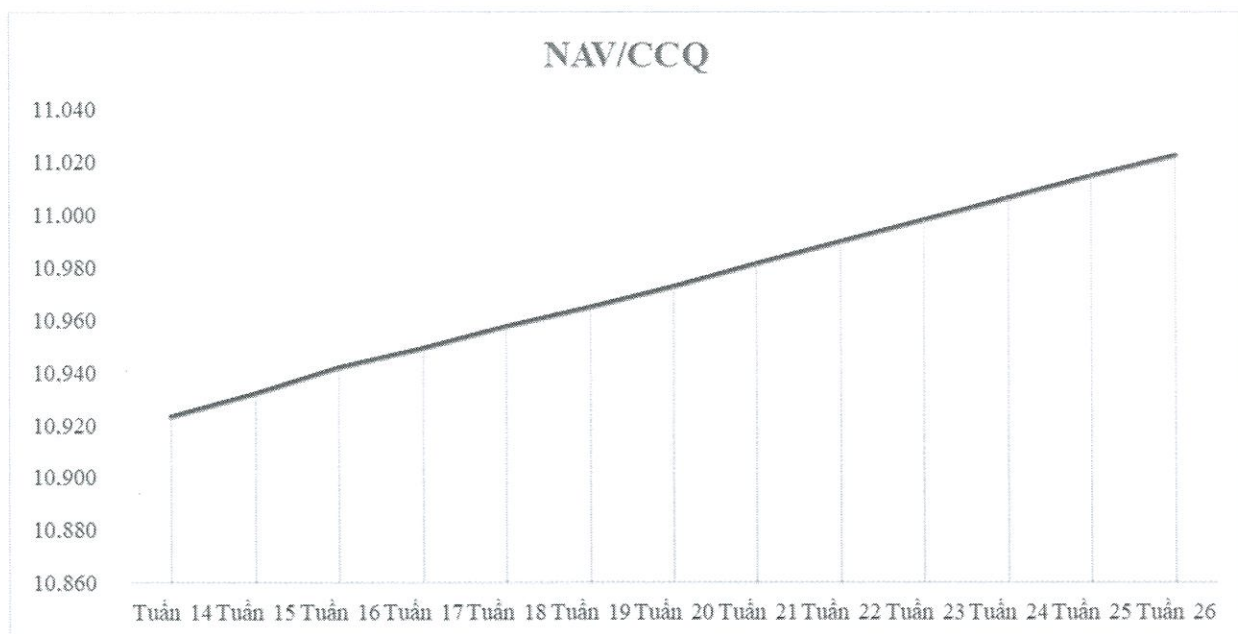
#### 4 CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

##### 4.1 Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ

| Chỉ tiêu                                             | 1 năm đến<br>thời điểm<br>báo cáo<br>(%) | 3 năm gần nhất<br>tính đến thời<br>điểm báo cáo<br>(%) | Từ khi thành<br>lập đến thời<br>điểm báo cáo<br>(%) |
|------------------------------------------------------|------------------------------------------|--------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|
| Tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị CCQ                    | 4,58                                     | Không áp dụng                                          | 16,53                                               |
| Tăng trưởng vốn/1 đơn vị CCQ                         | Không áp dụng                            | Không áp dụng                                          | Không áp dụng                                       |
| Tổng tăng trưởng/1 đơn vị CCQ                        | 4,58                                     | Không áp dụng                                          | 16,53                                               |
| Tăng trưởng hàng năm (%) / 1 đơn vị CCQ              | 4,59                                     | Không áp dụng                                          | 4,44                                                |
| Tăng trưởng của danh mục cơ cấu (*)                  | Không áp dụng                            | Không áp dụng                                          | Không áp dụng                                       |
| Thay đổi giá trị thị trường của 1 đơn vị<br>CCQ (**) | Không áp dụng                            | Không áp dụng                                          | Không áp dụng                                       |

(\*) Quỹ không có danh mục cơ cấu.

(\*\*) Quỹ không có giá trị thị trường.



Thay đổi NAV:

| Chỉ tiêu                                            | 30/6/2021       | 30/6/2020       | Tỷ lệ<br>thay đổi |
|-----------------------------------------------------|-----------------|-----------------|-------------------|
| Giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ                  | 110.305.485.761 | 106.012.733.310 | 4,05%             |
| Giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị CCQ<br>(NAV/CCQ) | 11.023,02       | 10.539,27       | 4,59%             |

Trong giai đoạn từ 30/6/2020 đến 30/6/2021 giá trị tài sản ròng của Quỹ tăng 4,05% chủ yếu do lợi nhuận từ kết quả đầu tư mang lại.



## QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU MỞ RỘNG CHUBB

### BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

#### 4 CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

##### 4.2 Thống kê về nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ Quỹ tại thời điểm báo cáo

| Quy mô nắm giữ (đơn vị)  | Số lượng nhà đầu tư nắm giữ | Số lượng đơn vị CCQ nắm giữ | Tỷ lệ nắm giữ (%) |
|--------------------------|-----------------------------|-----------------------------|-------------------|
| Dưới 5.000               | 129                         | 37.237,37                   | 0,37              |
| Từ 5.000 – dưới 10.000   | 2                           | 10.100,00                   | 0,10              |
| Từ 10.000 – dưới 50.000  | 0                           | 0                           | 0                 |
| Từ 50.000 – dưới 500.000 | 0                           | 0                           | 0                 |
| Trên 500.000             | 1                           | 9.959.489,84                | 99,53             |
| <b>Tổng cộng</b>         | <b>132</b>                  | <b>10.006.827,21</b>        | <b>100,00</b>     |

##### 4.3 Chi phí ngầm và giảm giá

Để hạn chế vấn đề xung đột về lợi ích và đảm bảo sự chính xác của các khoản mục chi phí của Quỹ, Công ty quy định tất cả các nhân viên của công ty không được phép nhận các khoản giảm giá bằng tiền và không được thực hiện các khoản chi phí ngầm khi thực hiện các giao dịch của Quỹ với các đối tác cung cấp dịch vụ cho Quỹ.

Trong kỳ báo cáo, Quỹ không phát sinh các khoản giảm giá bằng tiền hoặc chi phí ngầm liên quan đến các giao dịch của Quỹ với các đối tác cung cấp dịch vụ cho Quỹ.

#### 5 THÔNG TIN VỀ TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG

Xu hướng duy trì lợi suất trong mức thấp được kỳ vọng chiếm ưu thế chủ đạo trên thị trường trái phiếu Chính phủ trong Quý 3/2021 do những yếu tố sau:

- (1) Thanh khoản liên ngân hàng ổn định, lãi suất vẫn còn dư địa giảm, Ngân hàng Nhà Nước vẫn tiếp tục không có động thái trên thị trường mở khiến cho số dư trên kênh OMO và phát hành tín phiếu ở mức không. Giải ngân vốn đầu tư công vẫn không có dấu hiệu cải thiện.
- (2) Nhu cầu đầu tư trái phiếu tiếp tục được duy trì khi khối lượng trái phiếu Chính phủ đáo hạn trong Quý 3/2021.

Từ các phân tích thị trường, Quỹ tiếp tục duy trì chiến lược đầu tư thận trọng hạ thấp tỷ trọng các tài sản rủi ro trong giai đoạn sắp tới.



## QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU MỞ RỘNG CHUBB

### BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

#### 6 THÔNG TIN KHÁC

Quỹ không có nhân viên và được quản lý bởi Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Một Thành Viên Quản lý Quỹ Chubb Life (“Công ty Quản lý Quỹ”). Công ty Quản lý Quỹ được thành lập theo Giấy phép số 52/GP-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 24 tháng 10 năm 2013.

**Nhân sự Ban điều hành công ty Quản lý quỹ gồm có:**

| Họ và tên          | Chức vụ              | Bằng cấp | Quá trình công tác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
|--------------------|----------------------|----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Lâm Hải Tuấn       | Chủ tịch Công ty     | Kỹ sư    | Trước 2005: Ông Tuấn có kinh nghiệm làm việc tại các vị trí cấp cao của 2 tập đoàn tài chính, bảo hiểm toàn cầu là Metlife và Chubb Life.<br>Từ 2005 - nay: Tổng Giám đốc - Chubb Life Việt Nam.<br>Từ 2012-nay: Chủ tịch Hội đồng Quản trị - Chubb Life Việt Nam.                                                                                                                            |
| Bùi Thanh Hiệp     | Phó chủ tịch Công ty | CPA      | Từ 2001-2005: Nắm giữ nhiều vị trí khác nhau tại Bộ phận tài chính – Manulife Việt Nam<br>Từ 2005-2010: Kế toán trưởng – ACE Life Việt Nam<br>Từ 2010-2011: Trưởng Bộ phận Tài chính – VPĐD Generali Assicurazioni s.p.A VN<br>Từ 2011-2012: Kế toán trưởng - Chubb Life Việt Nam<br>Từ 2012-2017: Phó chủ tịch - Chubb Life Việt Nam<br>Từ 2018-nay: Phó Tổng Giám đốc - Chubb Life Việt Nam |
| Đặng Thị Hồng Loan | Giám đốc Công ty     | CFA      | Từ 2010 - 2016: Trưởng phòng cấp cao Đầu tư và Ngân Quỹ Công ty Bảo hiểm nhân thọ Prudential Việt nam<br>Từ 2016 - 2019: Phó Giám đốc bộ phận chiến lược xây dựng và phân tích Kế hoạch tài chính Công ty tài chính Prudential Việt Nam<br>Từ 12/2019 - nay: Giám đốc - Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Chubb Life                                                                               |

**QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU MỞ RỘNG CHUBB****BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)****6 THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)****Ban đại diện Quỹ gồm có:**

| Họ và tên        | Chức vụ    | Bằng cấp | Quá trình công tác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|------------------|------------|----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Trịnh Thanh Cần  | Chủ tịch   | Cử nhân  | Từ 2000-2002: Trợ lý nghiên cứu - Công ty Quản lý Quỹ Tower Mỹ.<br>Từ 2002-2003: Chuyên viên - Ngân hàng Downey Savings-Mỹ.<br>Từ 2003-2005: Chuyên viên đầu tư - Công ty Quản lý Quỹ Vinacapital Việt Nam.<br>Từ 2005-2006: Giám đốc Quan hệ Khách hàng - Ngân hàng HSBC Việt Nam.<br>Từ 2006-2007: Giám đốc đầu tư - Công ty Quản lý Quỹ Bản Việt.<br>Từ 2007-2011: Giám đốc phân tích - Công ty Chứng khoán Bản Việt.<br>Từ 2011-2015: Giám đốc điều hành khối Tư vấn tài chính doanh nghiệp - Công ty chứng khoán HSC.<br>Từ 2015-nay: Tổng giám đốc - Công ty TNHH Chứng khoán ACB |
| Nguyễn Trọng Đức | Thành viên | Thạc sỹ  | Từ 1995-1999: Kiểm toán viên - Công ty Kiểm toán KPMG.<br>Từ 1999-2000: Trưởng phòng Kiểm toán Nội bộ - Công ty Victoria Việt Nam Group<br>Từ 2000-2002: Giám đốc tài chính tập đoàn - Công ty Victoria Việt Nam Group<br>Từ 2002-2004: Giám đốc tài chính - Công ty Philips Electronics Việt nam<br>Từ 2004- 2015: Giám đốc tài chính-Công ty Ogilvy & Mather Việt Nam<br>Từ 2015- 2018: Giám đốc điều hành hoạt động/Giám đốc tài chính-Công ty Ogilvy & Mather Việt Nam<br>Từ 6/2018- nay: Tổng giám đốc - Công ty Ogilvy & Mather Việt Nam                                          |
| Trần Việt Hương  | Thành viên | Luật sư  | Từ 1995-1997: Tư vấn thuế & Đầu tư - Công ty kiểm toán và tư vấn Cooper & Lybrand – AISC<br>Từ 1998-2000: Tư vấn thuế & Đầu tư- Công ty Kiểm toán KPMG<br>Từ 2000-2003: Phó trưởng Đại diện - VPĐD Pacific Rim Enterprises, LLC<br>Từ 2003-2006: Phó giám đốc - Công ty TNHH Nhiệt Đới<br>Từ 2006-2008: Phó Tổng giám đốc- Công ty CP An Gia<br>Từ 2011-nay: Luật sư thành viên - Công ty luật Avenir<br>Từ 2010-nay: Giám đốc Điều hành - Công ty TNHH Mễ Tân                                                                                                                          |

## QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU MỞ RỘNG CHUBB

### BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

#### 6 THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

Nhân sự điều hành Quỹ gồm có:

| Họ và tên            | Chức vụ    | Bằng cấp | Quá trình công tác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
|----------------------|------------|----------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Nguyễn Thị Bích Ngọc | Thành viên | Cử nhân  | Từ 2003 - 2006: Nhân viên giao dịch – Cty Cổ phần Chứng Khoán Mê Kông.<br>Từ 2007 - 2011: Trưởng phòng DVKH – Công ty CP Chứng khoán Quốc tế Việt Nam.<br>Từ 2011 - 2012: Trưởng phòng Môi giới – Cty CP Chứng khoán Golden Bridge.<br>Từ 2013 - 2015: Phụ trách phòng Phát triển khách hàng – Công ty CP Chứng khoán MB.<br>Từ 2015 – nay: Phó phòng Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Chubb Life. |
| Đinh Thị Hồng Anh    | Thành viên | Thạc sỹ  | Từ 2008-2010: Nhân viên kinh doanh vốn- Ngân hàng TMCP Á Châu<br>Từ 2012-2013: Chuyên viên đầu tư -Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Chubb Việt Nam<br>Từ 2014-nay: Chuyên viên đầu tư -Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Chubb Life                                                                                                                                                                   |

Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ Chubb Life  
Đỗ Thị Thu Nguyệt  
Người lập/ Kế toán Quỹ  
Ngày 13 tháng 8 năm 2021



Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ Chubb Life  
Bùi Thanh Hiệp  
Phó chủ tịch Công ty  
Ngày 13 tháng 8 năm 2021





## BÁO CÁO CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Chúng tôi là Ngân hàng giám sát của Quỹ Đầu tư Trái phiếu mở rộng Chubb (“Quỹ”) cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 30 tháng 06 năm 2021, với sự hiểu biết của chúng tôi thì trong giai đoạn này Quỹ đã hoạt động và được quản lý với các nội dung dưới đây:

- Trong quá trình giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của Quỹ cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 30 tháng 06 năm 2021, Quỹ đã tuân thủ các giới hạn về hạn mức đầu tư được quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về quỹ mở, Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và văn bản pháp luật liên quan.
- Việc định giá, đánh giá tài sản của Quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- Phát hành và mua lại Chứng chỉ Quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- Trong giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 30 tháng 06 năm 2021, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư.

### ĐẠI DIỆN NGÂN HÀNG GIÁM SÁT



**Bùi Thị Huyền Trang**

**Phó phòng Dịch vụ Quản trị và Giám sát Quỹ**

### NHÂN VIÊN GIÁM SÁT

**Vũ Minh Hiền**

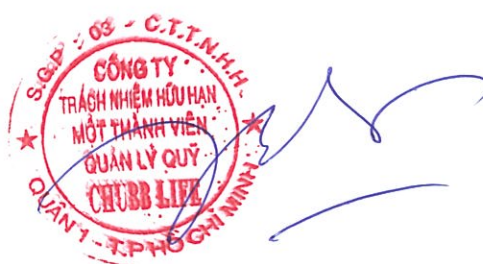
**Nhân viên bộ phận Giám sát**

## BÁO CÁO THU NHẬP GIỮA NIÊN ĐỘ

| Mã số | Chi tiêu                                                | Thuyết minh | Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 VND | Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 VND |
|-------|---------------------------------------------------------|-------------|----------------------------------------------------|----------------------------------------------------|
| 01    | <b>I. THU NHẬP, DOANH THU HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>          |             | <b>3.372.436.164</b>                               | <b>3.759.942.465</b>                               |
| 03    | 1.2. Tiền lãi được nhận                                 | 5.1         | 3.372.436.164                                      | 3.759.942.465                                      |
| 20    | <b>III. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ MỞ</b>                |             | <b>(1.128.259.398)</b>                             | <b>(1.096.256.419)</b>                             |
| 20.1  | 3.1. Phí quản lý Quỹ mở                                 | 8(i)        | (488.635.221)                                      | (468.886.350)                                      |
| 20.2  | 3.2. Phí dịch vụ lưu ký tài sản của Quỹ mở              | 5.2; 8(ii)  | (69.420.000)                                       | (69.690.000)                                       |
| 20.3  | 3.3. Phí dịch vụ giám sát                               | 8(ii)       | (105.600.000)                                      | (105.600.000)                                      |
| 20.4  | 3.4. Phí dịch vụ quản trị Quỹ mở                        | 8(ii)       | (213.675.000)                                      | (194.287.500)                                      |
| 20.5  | 3.5. Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng                   |             | (66.000.000)                                       | (66.000.000)                                       |
| 20.8  | 3.8. Chi phí kiểm toán                                  |             | (79.256.823)                                       | (91.782.441)                                       |
| 20.10 | 3.10. Chi phí hoạt động khác                            | 5.3; 8(iii) | (105.672.354)                                      | (100.010.128)                                      |
| 23    | <b>IV. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>                     |             | <b>2.244.176.766</b>                               | <b>2.663.686.046</b>                               |
| 24    | <b>V. KẾT QUẢ THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC</b>              |             | -                                                  | -                                                  |
| 30    | <b>VI. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ</b>            |             | <b>2.244.176.766</b>                               | <b>2.663.686.046</b>                               |
| 31    | 6.1. Lợi nhuận đã thực hiện                             | 6.7         | 2.244.176.766                                      | 2.663.686.046                                      |
| 32    | 6.2. Lợi nhuận chưa thực hiện                           | 6.7         | -                                                  | -                                                  |
| 40    | <b>VII. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP ("TNDN")</b> |             | -                                                  | -                                                  |
| 41    | <b>VIII. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN</b>            |             | <b>2.244.176.766</b>                               | <b>2.663.686.046</b>                               |



Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ Chubb Life  
Đỗ Thị Thu Nguyệt  
Người lập/ Kế toán Quỹ  
Ngày 13 tháng 8 năm 2021



Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ Chubb Life  
Bùi Thanh Hiệp  
Phó chủ tịch Công ty  
Ngày 13 tháng 8 năm 2021

Các thuyết minh từ trang 23 đến trang 49 là một phần cấu thành báo cáo tài chính giữa niên độ này.

## BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

| Mã số      | Chỉ tiêu                                                  | Thuyết minh | Tại ngày               |                        |
|------------|-----------------------------------------------------------|-------------|------------------------|------------------------|
|            |                                                           |             | 30.6.2021<br>VND       | 31.12.2020<br>VND      |
| <b>100</b> | <b>I. TÀI SẢN</b>                                         |             |                        |                        |
| 110        | 1. Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền                 | 6.1         | 1.321.281.100          | 2.252.557.622          |
|            | <i>Trong đó:</i>                                          |             |                        |                        |
| 111        | 1.1. Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ mở          |             | 1.321.281.100          | 2.252.557.622          |
| 112        | 1.2. Tiền gửi có kỳ hạn dưới ba (03) tháng                |             | -                      | -                      |
| 120        | 2. Các khoản đầu tư thuần                                 |             | 105.800.000.000        | 102.800.000.000        |
| 121        | 2.1. Các khoản đầu tư                                     | 6.2         | 105.800.000.000        | 102.800.000.000        |
| 130        | 3. Các khoản phải thu                                     |             | 3.467.764.384          | 3.570.166.576          |
| 133        | 3.2. Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư |             | 3.467.764.384          | 3.570.166.576          |
| 136        | 3.2.2 Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận          | 6.3         | 3.467.764.384          | 3.570.166.576          |
| <b>100</b> | <b>TỔNG TÀI SẢN</b>                                       |             | <b>110.589.045.484</b> | <b>108.622.724.198</b> |
| <b>300</b> | <b>II. NỢ PHẢI TRẢ</b>                                    |             |                        |                        |
| 314        | 4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước                    |             | 1.099                  | -                      |
| 316        | 6. Chi phí phải trả                                       | 6.4         | 121.367.123            | 81.500.000             |
| 319        | 9. Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ mở                        | 6.5         | 157.232.597            | 158.226.620            |
| 320        | 10. Phải trả, phải nộp khác                               |             | 4.958.904              | -                      |
| <b>300</b> | <b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ</b>                                   |             | <b>283.559.723</b>     | <b>239.726.620</b>     |

Các thuyết minh từ trang 23 đến trang 49 là một phần cấu thành báo cáo tài chính giữa niên độ này.

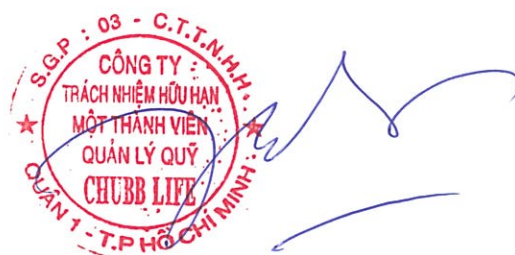


**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
(tiếp theo)

| Mã số                                                              | Chỉ tiêu                                                                                  | Thuyết minh | Tại ngày               |                        |
|--------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|------------------------|------------------------|
|                                                                    |                                                                                           |             | 30.6.2021<br>VND       | 31.12.2020<br>VND      |
| <b>400</b>                                                         | <b>III. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CÓ THỂ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ NẮM GIỮ CHỨNG CHỈ QUỸ MỞ</b> | <b>6.6</b>  | <b>110.305.485.761</b> | <b>108.382.997.578</b> |
| 411                                                                | 1. Vốn góp của nhà đầu tư                                                                 |             | 100.068.272.100        | 100.362.218.400        |
| 412                                                                | 1.1 Vốn góp phát hành                                                                     |             | 100.871.178.000        | 100.853.494.400        |
| 413                                                                | 1.2 Vốn góp mua lại                                                                       |             | (802.905.900)          | (491.276.000)          |
| 414                                                                | 2. Thặng dư vốn góp của nhà đầu tư                                                        |             | 161.922.100            | 189.664.383            |
| 420                                                                | 3. Lợi nhuận chưa phân phối                                                               |             | 10.075.291.561         | 7.831.114.795          |
| <b>430</b>                                                         | <b>IV. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG QUỸ MỞ TRÊN MỘT ĐƠN VỊ CHỨNG CHỈ QUỸ</b>                      | <b>6.6</b>  | <b>11.023,02</b>       | <b>10.799,18</b>       |
| <b>440</b>                                                         | <b>V. LỢI NHUẬN ĐÃ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ</b>                                           |             | -                      | -                      |
| <b>VI. CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ</b> |                                                                                           |             |                        |                        |
| 004                                                                | 4. Số lượng chứng chỉ Quỹ đang lưu hành                                                   | 6.6         | 10.006.827,21          | 10.036.221,84          |



Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ  
Chubb Life  
Đỗ Thị Thu Nguyệt  
Người lập/ Kế toán Quỹ  
Ngày 13 tháng 8 năm 2021



Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ  
Chubb Life  
Bùi Thanh Hiệp  
Phó chủ tịch Công ty  
Ngày 13 tháng 8 năm 2021

Các thuyết minh từ trang 23 đến trang 49 là một phần cấu thành báo cáo tài chính giữa niên độ này.

## BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ GIỮA NIÊN ĐỘ CHO KỲ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021

| STT   | Nội dung                                                                     | Kỳ sáu tháng<br>kết thúc ngày<br>30 tháng 6<br>năm 2021<br>VND | Kỳ sáu tháng<br>kết thúc ngày<br>30 tháng 6<br>năm 2020<br>VND |
|-------|------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|
| I     | Giá trị tài sản ròng của Quỹ mở (“NAV”) đầu kỳ                               | 108.382.997.578                                                | 103.421.498.423                                                |
| II    | Thay đổi NAV so với kỳ trước                                                 | 2.244.176.766                                                  | 2.663.686.046                                                  |
|       | <i>Trong đó:</i>                                                             |                                                                |                                                                |
| II.1  | Thay đổi NAV do biến động thị trường và hoạt động giao dịch của Quỹ trong kỳ | 2.244.176.766                                                  | 2.663.686.046                                                  |
| III   | Thay đổi NAV do mua lại/phát hành thêm chứng chỉ quỹ                         | (321.688.583)                                                  | (72.451.159)                                                   |
|       | <i>Trong đó:</i>                                                             |                                                                |                                                                |
| III.1 | Khoản thu từ việc phát hành bổ sung chứng chỉ quỹ                            | 19.144.000                                                     | 127.500.000                                                    |
| III.2 | Khoản thanh toán từ việc mua lại chứng chỉ quỹ                               | (340.832.583)                                                  | (199.951.159)                                                  |
| IV    | Giá trị tài sản ròng của Quỹ mở cuối kỳ                                      | 110.305.485.761                                                | 106.012.733.310                                                |
| V     | Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ tại cuối kỳ                         | 11.023,02                                                      | 10.539,27                                                      |



Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ  
Chubb Life  
Đỗ Thị Thu Nguyệt  
Người lập/ Kế toán Quỹ  
Ngày 13 tháng 8 năm 2021



Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ Chubb Life  
Bùi Thanh Hiệp  
Phó chủ tịch Công ty  
Ngày 13 tháng 8 năm 2021

Các thuyết minh từ trang 23 đến trang 49 là một phần cấu thành báo cáo tài chính giữa niên độ này.

**QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU MỞ RỘNG CHUBB**

Mẫu số B 04g – QM

**BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ  
TẠI NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021**

| STT        | Chi tiêu                                              | Tổng giá trị<br>VND    | Tỷ lệ%/Tổng giá trị<br>tài sản của Quỹ<br>% |
|------------|-------------------------------------------------------|------------------------|---------------------------------------------|
| <b>I</b>   | <b>Các tài sản khác</b>                               |                        |                                             |
| 1          | Lãi tiền gửi và các chứng chỉ tiền gửi chưa được nhận | 3.467.764.384          | 3,14%                                       |
| <b>II</b>  | <b>Tiền</b>                                           |                        |                                             |
| 1          | Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền      | 1.321.281.100          | 1,19%                                       |
| 2          | Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên ba (3) tháng        | 90.800.000.000         | 82,11%                                      |
| 3          | Chứng chỉ tiền gửi                                    | 15.000.000.000         | 13,56%                                      |
| <b>III</b> | <b>Tổng giá trị danh mục</b>                          | <b>110.589.045.484</b> | <b>100,00%</b>                              |



Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ  
Chubb Life  
Đỗ Thị Thu Nguyệt  
Người lập/ Kế toán Quỹ  
Ngày 13 tháng 8 năm 2021



Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ Chubb  
Life  
Bùi Thanh Hiệp  
Phó chủ tịch Công ty  
Ngày 13 tháng 8 năm 2021

Các thuyết minh từ trang 23 đến trang 49 là một phần cấu thành báo cáo tài chính giữa niên độ này.



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)

| Mã số | Chỉ tiêu                                                                             | Thuyết minh | Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021<br>VND | Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020<br>VND |
|-------|--------------------------------------------------------------------------------------|-------------|-------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|
|       | <b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>                                        |             |                                                       |                                                       |
| 01    | 1. Lợi nhuận trước thuế TNDN                                                         |             | 2.244.176.766                                         | 2.663.686.046                                         |
| 02    | 2. Điều chỉnh cho các khoản giảm/(tăng) giá trị tài sản ròng từ các hoạt động đầu tư |             | 4.326.027                                             | (16.472.005)                                          |
| 04    | Chi phí trích trước                                                                  |             | 4.326.027                                             | (16.472.005)                                          |
| 05    | 3. Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư trước thay đổi vốn lưu động                         |             | 2.248.502.793                                         | 2.647.214.041                                         |
| 20    | (Tăng)/giảm các khoản đầu tư                                                         | 6.2         | (3.000.000.000)                                       | 8.000.000.000                                         |
| 07    | Giảm/(tăng) dự thu phải thu tiền lãi các khoản đầu tư                                | 6.3         | 102.402.192                                           | (683.621.917)                                         |
| 11    | Tăng/(giảm) phải trả các đại lý phân phối và Công ty Quản lý Quỹ                     | 6.6; 8(i)   | -                                                     | (146.112)                                             |
| 13    | Tăng/(giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước                                      |             | 1.099                                                 | (9.222)                                               |
| 14    | Tăng phải trả cho nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ                                    |             | -                                                     | 2.000.000                                             |
| 16    | Tăng phải trả phải nộp khác                                                          |             | 40.500.000                                            | -                                                     |
| 17    | (Giảm)/tăng phải trả dịch vụ quản lý Quỹ                                             | 6.5         | (994.023)                                             | 5.620.376                                             |
| 19    | <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>                                     |             | <b>(609.587.939)</b>                                  | <b>9.971.057.166</b>                                  |
|       | <b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>                                    |             |                                                       |                                                       |
| 31    | 1. Tiền thu từ phát hành chứng chỉ Quỹ                                               | 6.6         | 19.144.000                                            | 127.500.000                                           |
| 32    | 2. Tiền chi mua lại chứng chỉ Quỹ                                                    | 6.6         | (340.832.583)                                         | (199.951.159)                                         |
| 30    | <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>                                  |             | <b>(321.688.583)</b>                                  | <b>(72.451.159)</b>                                   |
| 40    | <b>III. (Giảm)/tăng tiền thuần trong kỳ</b>                                          |             | <b>(931.276.522)</b>                                  | <b>9.898.606.007</b>                                  |

Các thuyết minh từ trang 23 đến trang 49 là một phần cấu thành báo cáo tài chính giữa niên độ này. .

**QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU MỞ RỘNG CHUBB**

Mẫu số B 05g – QM

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
(tiếp theo)

| Mã số | Chỉ tiêu                                                          | Thuyết minh | Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021<br>VND | Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020<br>VND |
|-------|-------------------------------------------------------------------|-------------|-------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|
| 50    | <b>IV. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ</b>              | 6.1         | <b>2.252.557.622</b>                                  | <b>2.365.222.439</b>                                  |
| 52    | Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền cho hoạt động của Quỹ      |             | 2.252.557.622                                         | 2.365.222.439                                         |
| 55    | <b>V. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ</b>              | 6.1         | <b>1.321.281.100</b>                                  | <b>12.263.828.446</b>                                 |
| 57    | Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Quỹ mở                           |             | 1.321.281.100                                         | 12.261.828.446                                        |
| 58    | Tiền gửi của nhà đầu tư về mua và mua lại chứng chỉ quỹ           |             | -                                                     | 2.000.000                                             |
| 60    | <b>VI. Chênh lệch tiền và các khoản tương đương tiền trong kỳ</b> |             | <b>(931.276.522)</b>                                  | <b>9.898.606.007</b>                                  |



Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ  
Chubb Life  
Đỗ Thị Thu Nguyệt  
Người lập/ Kế toán Quỹ  
Ngày 13 tháng 8 năm 2021



Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ Chubb  
Life  
Bùi Thanh Hiệp  
Phó chủ tịch Công ty  
Ngày 13 tháng 8 năm 2021

Các thuyết minh từ trang 23 đến trang 49 là một phần cấu thành báo cáo tài chính giữa niên độ này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỲ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021****1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU MỞ RỘNG CHUBB****1.1 Giấy chứng nhận chào bán chứng chỉ Quỹ và Giấy chứng nhận Đăng ký thành lập quỹ mở**

Quỹ Đầu tư Trái phiếu Mở rộng Chubb (“Quỹ”) là quỹ đầu tư chứng khoán đại chúng dạng mở được thành lập theo Giấy chứng nhận phát hành lần đầu ra công chúng 58/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 24 tháng 10 năm 2018 và Giấy chứng nhận Đăng ký lập quỹ đại chúng số 35/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 3 tháng 4 năm 2019. Quỹ được cấp phép hoạt động trong thời gian không xác định.

Điều lệ của Quỹ ban hành ngày 18 tháng 7 năm 2018 và sửa đổi lần thứ hai vào ngày 27 tháng 4 năm 2021.

Quỹ không có cán bộ công nhân viên và được quản lý bởi Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ Chubb Life (“Công ty Quản lý Quỹ”).

Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered (Việt Nam) được chỉ định là ngân hàng giám sát của Quỹ.

**1.2 Những đặc điểm chính về hoạt động Quỹ*****Quy mô vốn***

Vốn điều lệ Quỹ theo Giấy chứng nhận Đăng ký lập quỹ đại chúng số 35/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 3 tháng 4 năm 2019 là 60.934.000.000 đồng Việt Nam.

Quy mô vốn của Quỹ dựa trên số vốn thực góp của nhà đầu tư được trình bày tại Thuyết minh số 6.6.

***Mục tiêu đầu tư***

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là tối đa hóa lợi nhuận đồng thời bảo toàn vốn cho Nhà Đầu tư thông qua việc đầu tư vào các tài sản có thu nhập cố định an toàn và một phần vào các cổ phiếu cơ bản có hoạt động kinh doanh tốt và được tự do chuyển nhượng với mục đích phân tán rủi ro đầu tư và mang lại cho các Nhà Đầu tư kết quả tốt nhất từ việc quản lý danh mục đầu tư, phù hợp với các quyết định của Đại hội Nhà Đầu tư và quy định của Pháp luật.

Công ty Quản lý Quỹ thực hiện việc đầu tư của Quỹ bằng các hình thức đầu tư mà pháp luật hiện hành cho phép. Ngoài ra, mục tiêu đầu tư của Quỹ có thể được thay đổi hoàn toàn theo quyết định của Đại hội nhà đầu tư, phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và báo cáo với UBCKNN.

***Kỳ tính giá trị tài sản ròng (NAV)***

Giá trị tài sản ròng của Quỹ được xác định một tuần một lần vào ngày định giá. Tần suất định giá của Quỹ là một lần một tuần vào ngày thứ Tư (“ngày giao dịch”). Nếu ngày định giá trùng vào ngày nghỉ lễ thì ngày định giá đó sẽ được chuyển sang ngày làm việc tiếp theo gần nhất theo thông báo của Công ty Quản lý Quỹ. Công ty Quản lý Quỹ có thể thay đổi ngày giao dịch hay tần suất giao dịch khi thấy cần thiết, với điều kiện phải phù hợp với quy định của pháp luật và Điều Lệ Quỹ và phải công bố tại Bản Cáo Bạch, website của Công ty Quản lý Quỹ.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỲ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021**

**1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU MỞ RỘNG CHUBB (tiếp theo)**

**1.2 Những đặc điểm chính về hoạt động Quỹ (tiếp theo)**

**Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ**

Giá trị tài sản ròng của Quỹ được xác định bằng tổng giá trị tài sản trừ đi tổng nợ phải trả của Quỹ. Tổng giá trị tài sản của Quỹ được xác định theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý của tài sản (trong trường hợp không xác định được giá trị thị trường). Tổng nợ phải trả của Quỹ là các khoản nợ hoặc nghĩa vụ thanh toán của Quỹ tính đến ngày gần nhất trước ngày định giá.

Giá trị tài sản ròng của Quỹ được làm tròn theo quy định trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán. Phần dư phát sinh từ việc làm tròn Giá trị tài sản ròng của Quỹ được hạch toán vào Quỹ.

Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị Quỹ/Chứng chỉ Quỹ bằng giá trị tài sản ròng của Quỹ chia cho tổng số đơn vị Quỹ/Chứng chỉ Quỹ đang lưu hành tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá.

***Định giá tài sản***

Phương pháp định giá lại các khoản đầu tư được quy định trong sổ tay định giá được xây dựng phù hợp với phương pháp xác định giá trị tài sản quy định tại Điều lệ Quỹ phù hợp, Thông tư 98/2020/TT-BTC và Thông tư 181/2015/TT-BTC như sau:

| STT                                                                      | Loại tài sản                                                                                                      | Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
|--------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>A. Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ</b> |                                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| 1.                                                                       | Tiền (VND)                                                                                                        | Số dư tiền mặt của các tài khoản không kỳ hạn gửi tại Ngân hàng giám sát vào ngày trước ngày định giá                                                                                                                                                                                                                               |
| 2.                                                                       | Tiền gửi kỳ hạn                                                                                                   | Giá trị tiền gửi cộng lãi chưa được thanh toán tính đến hết ngày trước ngày định giá.                                                                                                                                                                                                                                               |
| 3.                                                                       | Chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, tín phiếu kho bạc và các công cụ thị trường tiền tệ khác                 | Giá mua cộng lãi lũy kế tính đến hết ngày trước ngày định giá.                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| 4.                                                                       | Các công cụ không trả lãi bao gồm tín phiếu kho bạc, trái phiếu, giấy tờ có giá và các công cụ không trả lãi khác | Giá trị thị trường, tức giá yết trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán;<br>Trường hợp không có giá yết thì các tài sản được tính theo giá theo thứ tự các nguyên tắc sau:<br>– Mô hình chiết khấu dòng tiền căn cứ vào lãi suất trúng thầu; hoặc<br>– Giá xác định theo phương án đã được Ban đại diện Quỹ chấp nhận. |

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỲ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021**

**1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU MỞ RỘNG CHUBB (tiếp theo)**

**1.2 Những đặc điểm chính về hoạt động Quỹ (tiếp theo)**

***Định giá tài sản (tiếp theo)***

| STT                  | Loại tài sản                                                          | Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
|----------------------|-----------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>B. Trái phiếu</b> |                                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| 1.                   | Trái phiếu Chính phủ                                                  | <p>Trái phiếu được ưu tiên định giá theo phương pháp giá trị thị trường, tức giá yết bình quân gia quyền (giá sạch) trên hệ thống giao dịch hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở Giao Dịch Chứng Khoán của giao dịch thông thường tại ngày có giao dịch gần nhất trong vòng mười lăm (15) ngày tính đến Ngày Định giá cộng với lãi lũy kế tính đến hết ngày trước Ngày Định giá. Trong đó trái phiếu được xác định dựa vào mã trái phiếu theo quy định của Sở giao dịch chứng khoán.</p> <p>Trong trường hợp trái phiếu không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến Ngày Định giá thì Giá trị của trái phiếu niêm yết được định giá ưu tiên theo thứ tự các nguyên tắc sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Giá mua (giá sạch) cộng với lãi lũy kế tính đến hết ngày trước Ngày Định giá; hoặc</li> <li>– Mệnh giá cộng với lãi lũy kế tính đến hết ngày trước Ngày Định giá; hoặc</li> <li>– Giá xác định theo phương án đã được Ban đại diện Quỹ chấp thuận.</li> </ul> <p>Trong trường hợp trái phiếu có giao dịch trong vòng mười lăm (15) tính đến Ngày Định giá nhưng giá trái phiếu (giá sạch) của kỳ định giá có sự biến động lớn hơn hai phần trăm (2%) so với giá trái phiếu của kỳ định giá gần nhất hoặc so với giá mua trong trường hợp trái phiếu này mới được mua trong kỳ định giá thì giá trái phiếu được xác định theo phương pháp chiết khấu dòng tiền (Discount Cashflow).</p> <p>Trái phiếu Chính phủ khi đến gần ngày đáo hạn mà trái phiếu này bắt buộc phải hủy niêm yết được định giá bằng mệnh giá cộng với lãi lũy kế tính đến hết ngày trước Ngày Định giá.</p> |
| 2.                   | Trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, Trái phiếu chính quyền địa phương | <p>Trái phiếu được ưu tiên định giá theo phương pháp giá trị thị trường, tức giá yết bình quân gia quyền (giá sạch) trên hệ thống giao dịch hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của giao dịch thông thường, tại ngày có giao dịch gần nhất trong vòng mười lăm (15) ngày tính đến Ngày Định giá cộng với lãi lũy kế tính đến hết ngày trước Ngày Định giá. Trong đó trái phiếu được xác định dựa vào mã trái phiếu theo quy định của Sở giao dịch chứng khoán.</p> <p>Trong trường hợp trái phiếu không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến Ngày Định giá hoặc giá trái phiếu (giá sạch) của kỳ định giá có sự biến động lớn hơn hai phần trăm (2%) so với giá trái phiếu của kỳ định giá gần nhất hoặc so với giá mua trong trường hợp trái phiếu này mới được mua trong kỳ định giá thì giá được sử dụng để định giá theo thứ tự ưu tiên sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Giá mua (giá sạch) cộng với lãi lũy kế tính đến hết ngày trước Ngày Định giá; hoặc</li> <li>– Mệnh giá cộng với lãi lũy kế tính đến hết ngày trước Ngày Định giá; hoặc</li> <li>– Giá xác định theo phương án đã được Ban đại diện Quỹ chấp thuận.</li> </ul> <p>Trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, Trái phiếu chính quyền địa phương khi đến gần ngày đáo hạn mà trái phiếu này bắt buộc phải hủy niêm yết được định giá bằng mệnh giá cộng với lãi lũy kế tính đến hết ngày trước Ngày Định giá.</p>                                                                                                                                                                            |



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỲ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021**

**1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU MỞ RỘNG CHUBB (tiếp theo)**

**1.2 Những đặc điểm chính về hoạt động Quỹ (tiếp theo)**

***Định giá tài sản (tiếp theo)***

| STT                              | Loại tài sản                                    | Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
|----------------------------------|-------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>B. Trái phiếu (tiếp theo)</b> |                                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| 3.                               | Trái phiếu doanh nghiệp niêm yết                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|                                  | 3.1. Trái phiếu doanh nghiệp thông thường       | <p>Là giá yết bình quân gia quyền (giá sạch) hoặc tên gọi khác tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở Giao Dịch Chứng Khoán tại ngày có giao dịch gần nhất trong vòng mười lăm (15) ngày tính đến Ngày Định giá, cộng với lãi lũy kế tính đến hết ngày trước Ngày Định giá.</p> <p>Trong trường hợp trái phiếu không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến Ngày Định giá hoặc giá trái phiếu (giá sạch) của kỳ định giá có sự biến động lớn hơn hai phần trăm (2%) so với giá trái phiếu của kỳ định giá gần nhất hoặc so với giá mua trong trường hợp trái phiếu này mới được mua trong kỳ định giá thì giá được sử dụng để định giá theo thứ tự ưu tiên sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Giá mua (giá sạch) cộng với lãi lũy kế tính đến hết ngày trước Ngày Định giá; hoặc</li> <li>– Mệnh giá cộng với lãi lũy kế tính đến hết ngày trước Ngày Định giá; hoặc</li> <li>– Giá xác định theo phương án đã được Ban đại diện Quỹ chấp thuận.</li> </ul> |
|                                  | 3.2. Trái phiếu doanh nghiệp khác               | <p>Trái phiếu trong giai đoạn đầu thầu mà chưa có giá niêm yết được định giá bằng giá trúng thầu.</p> <p>Trái phiếu doanh nghiệp khi đến gần ngày đáo hạn mà trái phiếu này bắt buộc phải hủy niêm yết được định giá bằng mệnh giá cộng với lãi lũy kế tính đến hết ngày trước Ngày Định giá.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 4.                               | Trái phiếu không niêm yết                       | <p>Trái phiếu không niêm yết được định giá theo thứ tự các nguyên tắc sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Giá yết (nếu có) trên các hệ thống báo giá cộng lãi suất cuống phiếu tính đến hết ngày trước ngày định giá; hoặc</li> <li>– Giá mua (giá sạch) cộng với lãi lũy kế tính đến hết ngày trước Ngày Định giá; hoặc</li> <li>– Mệnh giá cộng với lãi lũy kế tính đến hết ngày trước Ngày Định giá; hoặc</li> <li>– Giá xác định theo phương án đã được Ban đại diện Quỹ chấp thuận.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| <b>C. Cổ phiếu</b>               |                                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| 1.                               | Cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán | <p>Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất tính đến ngày trước Ngày Định giá.</p> <p>Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến Ngày Định giá, ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống là một trong các mức giá sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Giá mua (giá cost); hoặc</li> <li>– Giá trị sổ sách (book value): được xác định trên cơ sở báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm soát hoặc soát xét; hoặc</li> <li>– Giá xác định theo phương án đã được Ban đại diện Quỹ chấp thuận.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỲ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021**

**1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU MỞ RỘNG CHUBB (tiếp theo)**

**1.2 Những đặc điểm chính về hoạt động Quỹ (tiếp theo)**

***Định giá tài sản (tiếp theo)***

| STT                            | Loại tài sản                                                                 | Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|--------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>C. Cổ phiếu (tiếp theo)</b> |                                                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| 2.                             | Cổ phiếu của công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống Upcom         | Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất tính đến ngày trước Ngày Định giá.<br>Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến Ngày Định giá, ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống là một trong các mức giá sau:<br>– Giá mua (giá cost); hoặc<br>– Giá trị sổ sách (book value): được xác định trên cơ sở báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm soát hoặc soát xét; hoặc<br>– Giá xác định theo phương án đã được Ban đại diện Quỹ chấp thuận. |
| 3                              | Cổ phiếu niêm yết bị chuyển sàn giao dịch chứng khoán                        | Giá cổ phiếu sẽ được xác định bằng thị giá cuối ngày tại Ngày Giao Dịch cuối cùng trước khi bị chuyển sàn.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| 4.                             | Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch | Phương pháp định giá được ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống là một trong các mức giá sau:<br>– Giá trị sổ sách (book value): được xác định trên cơ sở báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm soát hoặc soát xét; hoặc<br>– Mệnh giá; hoặc<br>– Giá xác định theo phương án đã được Ban đại diện Quỹ chấp thuận.                                                                                                                                                                                                                                      |
| 5.                             | Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản                      | Phương pháp định giá được ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống là một trong các mức giá sau:<br>- Tám mươi phần trăm (80%) giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước Ngày Định giá; hoặc<br>- Giá xác định theo phương án đã được Ban đại diện Quỹ chấp thuận.                                                                                                                                                                                                                                                   |
| 6.                             | Quyền mua cổ phiếu                                                           | Giá trị quyền mua = $\text{Max} \{0; (\text{Giá đóng cửa cổ phiếu tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá} - \text{Giá phát hành quyền mua}) \times \text{tỷ lệ chuyển đổi}\}$                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
| 7.                             | Cổ phần, phần vốn góp khác                                                   | Giá trị thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày định giá do các tổ chức báo giá cung cấp. Trường hợp không có báo giá thì mức giá được xác định theo thứ tự từ trên xuống là một trong các mức giá sau:<br>- Giá mua/ giá trị vốn góp; hoặc<br>- Giá trị sổ sách; hoặc<br>- Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện Quỹ chấp nhận.                                                                                                                                                |

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỲ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021**

**1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU MỞ RỘNG CHUBB (tiếp theo)**

**1.2 Những đặc điểm chính về hoạt động Quỹ (tiếp theo)**

***Định giá tài sản (tiếp theo)***

| STT                                      | Loại tài sản                              | Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
|------------------------------------------|-------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>D. Chứng khoán phái sinh niêm yết</b> |                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| 1.                                       | Hợp đồng quyền chọn                       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở Giao dịch Chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá;</li> <li>- Nếu hợp đồng quyền chọn không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến ngày định giá, hợp đồng quyền chọn sẽ được Công ty Quản lý Quỹ đề xuất phương pháp định giá tùy thuộc vào từng hợp đồng cụ thể và được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt.</li> </ul> |
| 2.                                       | Hợp đồng kỳ hạn                           | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở Giao dịch Chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá;</li> <li>- Nếu hợp đồng kỳ hạn không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến ngày định giá, hợp đồng kỳ hạn sẽ được Công ty Quản lý Quỹ đề xuất phương pháp định giá tùy thuộc vào từng hợp đồng cụ thể và được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt.</li> </ul>         |
| 3.                                       | Hợp đồng tương lai                        | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở Giao dịch Chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá;</li> <li>- Nếu hợp đồng tương lai không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến ngày định giá, hợp đồng tương lai sẽ được Công ty Quản lý Quỹ đề xuất phương pháp định giá tùy thuộc vào từng hợp đồng cụ thể và được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt.</li> </ul>   |
| 4.                                       | Giá trị cam kết từ các hợp đồng phái sinh | Giá trị cam kết được xác định trên cơ sở giá trị thị trường của tài sản cơ sở, rủi ro thanh toán, biến động thị trường và thời gian cần thiết để thanh lý vị thế.                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| <b>E. Các tài sản khác</b>               |                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| 1.                                       | Các tài sản được phép đầu tư khác         | Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá do các tổ chức báo giá cung cấp. Trường hợp không có báo giá thì mức giá được xác định theo mô hình lý thuyết đã được Ban đại diện Quỹ chấp nhận.                                                                                                                                                                                           |



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021**

**1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU MỞ RỘNG CHUBB (tiếp theo)**

**1.2 Những đặc điểm chính về hoạt động Quỹ (tiếp theo)**

***Tần suất giao dịch***

Tần suất giao dịch chứng chỉ Quỹ được thực hiện không ít hơn hai (02) lần trong một (01) tháng. Công ty Quản lý Quỹ có thể thay đổi tần suất giao dịch khi thấy cần thiết, với điều kiện phải phù hợp với quy định của Pháp luật và Điều lệ quỹ và phải công bố tại Bản cáo bạch, website của Công ty Quản lý Quỹ.

***Phân phối thu nhập của Quỹ***

Việc phân phối lợi nhuận thực hiện theo Điều lệ Quỹ.

***Hạn chế đầu tư***

Danh mục đầu tư của Quỹ và các hạn chế đầu tư phải phù hợp với mục tiêu và chính sách đầu tư đã được quy định rõ trong Điều lệ hoạt động của Quỹ và Bản cáo bạch.

Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ phải :

- a) không được đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản quy định tại điểm a, b, d, e và f khoản 10.3 Điều 10 Điều lệ quỹ, phát hành bởi các công ty trong cùng một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau thuộc các trường hợp sau đây: công ty mẹ, công ty con; các công ty sở hữu trên 35% cổ phần, phần góp vốn của nhau, nhóm công ty con có cùng một công ty mẹ, trong đó phần đầu tư vào chứng khoán phái sinh theo quy định tại điểm f khoản 10.3 Điều 10 Điều lệ quỹ tính bằng giá trị cam kết của hợp đồng xác định theo Phụ lục số 4 của Điều lệ quỹ;
- b) không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng khoán đang lưu hành và các tài sản (nếu có) quy định tại điểm a, b khoản 10.3 Điều 10 Điều lệ quỹ của một tổ chức phát hành, trừ công cụ nợ của chính phủ;
- c) không được đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, trừ công cụ nợ của Chính phủ;
- d) không được đầu tư quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản quy định tại điểm e khoản 10.3 Điều 10 Điều lệ quỹ;
- e) tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các giao dịch chứng khoán phái sinh, dư nợ vay và các khoản phải trả của Quỹ không được vượt quá Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ;
- f) không được đầu tư vào chứng chỉ quỹ của chính Quỹ Đầu tư Trái phiếu Mở rộng Chubb;
- g) chỉ được đầu tư vào chứng chỉ quỹ đại chúng khác, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng do công ty quản lý quỹ khác quản lý và đảm bảo các hạn chế sau:
  - Không đầu tư vào quá 10% tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một quỹ đại chúng, cổ phiếu đang lưu hành của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
  - Không đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng chỉ quỹ của một quỹ đại chúng, cổ phiếu của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
  - Không đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỲ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021**

**1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU MỞ RỘNG CHUBB (tiếp theo)**

**1.2 Những đặc điểm chính về hoạt động Quỹ (tiếp theo)**

***Hạn chế đầu tư (tiếp theo)***

- h) không được đầu tư trực tiếp vào bất động sản, đá quý, kim loại quý hiếm; và
- i) Quỹ đầu tư vào các loại trái phiếu, công cụ thị trường tiền tệ, tiền gửi có kỳ hạn và các công cụ có thu nhập cố định khác với tỷ trọng đầu tư vào các tài sản này chiếm từ tám mươi phần trăm (80%) Giá trị Tài sản ròng của Quỹ trở lên.

Cơ cấu đầu tư của Quỹ chỉ được vượt mức so với các hạn chế đầu tư đã quy định tại điểm a, b, c, d, g khoản 11.1 Điều 11 Điều lệ Quỹ và chỉ do các nguyên nhân sau:

- a) biến động giá trên thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ;
- b) thực hiện các khoản thanh toán của Quỹ theo quy định của pháp luật, bao gồm việc thực hiện lệnh giao dịch của Nhà Đầu tư;
- c) hoạt động chia, tách hợp nhất, sáp nhập của các tổ chức phát hành;
- d) Quỹ mới được cấp phép thành lập hoặc do tách Quỹ, hợp nhất Quỹ, sáp nhập Quỹ mà thời gian hoạt động chưa quá sáu (06) tháng, kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ hoặc giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ điều chỉnh; hoặc
- e) Quỹ đang trong thời gian giải thể.

Trong thời hạn ba (3) tháng kể từ ngày có các sai lệch phát sinh do các nguyên nhân quy định tại điểm a, b, c và d khoản 11.2 Điều 11 Điều lệ Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ thông báo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và điều chỉnh lại cơ cấu danh mục đầu tư cho phù hợp với quy định tại khoản 11.1 Điều 11 Điều lệ Quỹ.

Trường hợp sai lệch là do Công ty Quản lý Quỹ không tuân thủ các hạn chế đầu tư theo quy định của Pháp luật hoặc Điều lệ quỹ, Công ty Quản lý Quỹ phải điều chỉnh lại danh mục đầu tư trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày phát hiện ra sai lệch. Công ty Quản lý Quỹ phải bồi thường thiệt hại cho Quỹ (nếu có) và chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến việc điều chỉnh lại danh mục đầu tư. Nếu phát sinh lợi nhuận phải hạch toán ngay mọi khoản lợi nhuận có được cho Quỹ.

**2 NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**2.1 Năm tài chính**

Năm tài chính của Quỹ bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2021 đến ngày 30 tháng 6 năm 2021.

**2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam và được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ theo đơn vị Đồng Việt Nam ("VND").

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo thu nhập giữa niên độ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỲ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021****2 NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN (tiếp theo)****2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán (tiếp theo)**

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền gốc ngoại tệ tại ngày của báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Quỹ thường xuyên có giao dịch tại ngày của báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo thu nhập giữa niên độ.

**3 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****3.1 Cơ sở của việc soạn lập báo cáo tài chính giữa niên độ**

Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soạn lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam. Thông tư 198/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở (“Thông tư 198/2012/TT-BTC”), Thông tư 181/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở (“Thông tư 181/2015/TT-BTC”), Thông tư 98/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán (“Thông tư 98/2020/TT-BTC”) và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các quỹ mở.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm vào việc trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động và các luồng lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thực hành kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài Việt Nam. Các nguyên tắc và thực hành kế toán sử dụng tại Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

Theo Thông tư 198/2012/TT-BTC, báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ bao gồm:

1. Báo cáo thu nhập giữa niên độ
2. Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ
3. Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ Quỹ giữa niên độ
4. Báo cáo danh mục đầu tư
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ
6. Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ

**3.2 Hình thức kế toán áp dụng**

Quỹ áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

**4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG****4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi tại các ngân hàng cho hoạt động của Quỹ, tiền gửi của nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ, tiền gửi của Quỹ cho mục đích thanh toán cho nhà đầu tư về mua lại chứng chỉ quỹ, tiền gửi phong tỏa tổng hợp về mua chứng chỉ quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn không quá ba (03) tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021**

**4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**

**4.2 Các khoản đầu tư**

***Nguyên tắc phân loại***

Quỹ phân loại các chứng khoán được mua với mục đích kinh doanh là chứng khoán kinh doanh.

***Ghi nhận/chấm dứt ghi nhận***

Việc mua và bán các khoản đầu tư được ghi nhận theo ngày thực hiện giao dịch - là tại ngày Quỹ ký kết hợp đồng mua hoặc bán khoản đầu tư đó. Các khoản đầu tư được chấm dứt ghi nhận khi quyền nhận dòng tiền từ các khoản đầu tư đã hết hạn hoặc về bản chất Quỹ đã chuyển giao toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chứng khoán.

Giá vốn của chứng khoán kinh doanh được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

***Ghi nhận ban đầu và đánh giá lại***

Các khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được đánh giá lại tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ theo Thông tư 198/2012/TT-BTC theo giá trị của các khoản đầu tư tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ. Mức giá để đánh giá lại được xác định theo pháp luật chứng khoán hiện hành và Điều lệ Quỹ.

Cổ phiếu thường và cổ tức chia bằng cổ phiếu được hạch toán vào các khoản đầu tư với giá trị bằng không (0) và được đánh giá lại theo giá trị của các cổ phiếu đó vào ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

***Lãi hoặc lỗ do đánh giá lại khoản đầu tư***

Các khoản lãi hoặc lỗ do đánh giá lại khoản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo thu nhập giữa niên độ theo quy định tại Thông tư số 198/2012/TT-BTC.

**4.3 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu bao gồm những khoản phải thu từ hoạt động bán chứng khoán, phải thu cổ tức, lãi trái phiếu, lãi tiền gửi ngân hàng, lãi chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng và các khoản phải thu khác. Các khoản phải thu được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết.

Các khoản phải thu khó đòi được ước tính dựa trên việc rà soát của Ban Đại diện Quỹ đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm cuối kỳ.

Dự phòng phát sinh trong kỳ liên quan đến các khoản phải thu được hạch toán vào chi phí trong báo cáo thu nhập giữa niên độ.

Dự phòng phát sinh trong kỳ liên quan đến cổ tức, lãi trái phiếu, lãi tiền gửi ngân hàng và các khoản phải thu khác được hạch toán giảm thu nhập trong báo cáo thu nhập giữa niên độ.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỲ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021**

**4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**

**4.3 Các khoản phải thu (tiếp theo)**

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán được trích lập thì mức trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 08 tháng 08 năm 2019:

| Thời gian quá hạn                            | Mức trích lập dự phòng |
|----------------------------------------------|------------------------|
| Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm | 30%                    |
| Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm        | 50%                    |
| Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm         | 70%                    |
| Từ ba (03) năm                               | 100%                   |

**4.4 Các khoản phải trả**

Các khoản phải trả được trình bày trên báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ theo nguyên giá của các khoản phải trả cho hoạt động phát hành chứng chỉ quỹ, phải trả cho hoạt động kinh doanh chứng khoán, phải trả thù lao Ban Đại diện Quỹ, phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát và các khoản phải trả khác.

**4.5 Thuế**

Theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam, Quỹ không thuộc đối tượng chịu thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ thuế của các cá nhân và tổ chức đầu tư trong các giao dịch sau:

**Giao dịch trả cổ tức cho nhà đầu tư**

Khi Quỹ trả cổ tức cho nhà đầu tư, Quỹ phải tuân thủ quy định khấu trừ và nộp thuế theo Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 (“Thông tư 78/2014/TT-BTC”) được sửa đổi bổ sung theo Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 và Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013 (“Thông tư 111/2013/TT-BTC”) được sửa đổi bổ sung theo Thông tư 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2015 (“Thông tư 92/2015/TT-BTC”) do Bộ Tài chính ban hành và Công văn số 10945/BTC-TCT ngày 19 tháng 8 năm 2010 của Tổng Cục Thuế về chính sách thuế đối với việc chia cổ tức cho tổ chức đầu tư. Theo đó, khi trả cổ tức cho các tổ chức đầu tư, không phân biệt tổ chức đầu tư trong nước hoặc nước ngoài, Công ty Quản lý Quỹ cần giữ lại 20% lợi nhuận được phân phối (ngoại trừ phần lợi nhuận được phân phối đã chịu thuế thu nhập doanh nghiệp ở khâu trước và lãi trái phiếu thu được từ trái phiếu thuộc diện miễn thuế theo quy định của pháp luật hiện hành). Khi trả cổ tức cho nhà đầu tư cá nhân, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập cá nhân bằng 5% lợi nhuận được phân phối.

**Giao dịch mua lại chứng chỉ Quỹ**

Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ khấu trừ, kê khai thuế đối với giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ cá nhân (trong nước và nước ngoài) và những tổ chức được phân loại là tổ chức nước ngoài theo Thông tư 111/2013/TT-BTC được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư 92/2015/TT-BTC. Thông tư số 25/2018/TT-BTC ngày 16 tháng 3 năm 2018 (“Thông tư 25/2018/TT-BTC”) và Thông tư 103/2014/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành. Mức thuế áp dụng là 0,1% giá trị chuyển nhượng, Công ty Quản lý Quỹ sẽ không khấu trừ thuế đối với các giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ nhà đầu tư là tổ chức trong nước. Các nhà đầu tư này phải chịu trách nhiệm tự kê khai và nộp thuế cho Nhà nước theo Thông tư 78/2014/TT-BTC được sửa đổi bổ sung theo Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021****4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)****4.6 Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi: Quỹ có một nghĩa vụ – pháp lý hoặc liên đới – hiện tại phát sinh từ các sự kiện đã qua; có thể đưa đến sự giảm sút những lợi ích kinh tế cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ; giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy.

Dự phòng được tính theo các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu yếu tố thời giá của tiền tệ là quan trọng thì dự phòng được tính ở giá trị hiện tại với suất chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá theo thị trường hiện tại về thời giá của tiền tệ và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên trong dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tiền lãi.

**4.7 Vốn góp của nhà đầu tư**

Các chứng chỉ Quỹ với quyền hưởng cổ tức được phân loại là vốn chủ sở hữu. Mỗi đơn vị quỹ có mệnh giá là 10.000 Đồng Việt Nam.

Số lượng chứng chỉ Quỹ sau khi phân phối là số lẻ ở dạng thập phân, làm tròn xuống tới số hạng thứ hai sau dấu phẩy.

*Vốn góp phát hành*

Vốn góp phát hành phản ánh nguồn vốn đầu tư của Quỹ do các nhà đầu tư góp vốn vào Quỹ theo phương thức mua chứng chỉ Quỹ trong lần phát hành lần đầu ra công chúng và các lần phát hành bổ sung sau ngày thành lập. Vốn góp phát hành được phản ánh theo mệnh giá.

*Vốn góp mua lại*

Vốn góp mua lại phản ánh việc mua lại chứng chỉ Quỹ của các nhà đầu tư tại các kỳ giao dịch chứng chỉ Quỹ sau ngày thành lập. Vốn góp mua lại được phản ánh theo mệnh giá.

*Thặng dư vốn góp của nhà đầu tư*

Thặng dư vốn góp phản ánh chênh lệch giữa giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ Quỹ và mệnh giá trên một chứng chỉ Quỹ được phát hành/mua lại.

*Lợi nhuận chưa phân phối / (lỗ lũy kế)*

Lợi nhuận chưa phân phối / (lỗ lũy kế) phản ánh lãi / (lỗ) chưa phân phối lũy kế tại thời điểm báo cáo, bao gồm lợi nhuận chưa phân phối / (lỗ lũy kế) đã thực hiện và lợi nhuận chưa phân phối / (lỗ lũy kế) chưa thực hiện.

Lợi nhuận / (lỗ) đã thực hiện trong kỳ là số chênh lệch giữa tổng thu nhập, doanh thu sau khi loại trừ phần chênh lệch tăng / (giảm) do đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện với tổng các khoản chi phí của Quỹ phát sinh trong kỳ.

Lợi nhuận / (lỗ) chưa thực hiện trong kỳ là chênh lệch tăng / (giảm) do đánh giá lại các khoản đầu tư thuộc danh mục đầu tư của Quỹ phát sinh trong kỳ.

Cuối kỳ, Quỹ xác định lợi nhuận / (lỗ) đã thực hiện và lợi nhuận / (lỗ) chưa thực hiện trong kỳ và ghi nhận vào "Lợi nhuận chưa phân phối / (lỗ lũy kế)".



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỲ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021****4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)****4.7 Vốn góp của nhà đầu tư (tiếp theo)***Lợi nhuận/Tài sản phân phối cho nhà đầu tư*

Khoản mục này phản ánh số lợi nhuận/tài sản đã phân phối trong kỳ cho nhà đầu tư và việc kết chuyển số lợi nhuận đã phân phối sang tài khoản lợi nhuận chưa phân phối vào cuối kỳ.

Quỹ ghi nhận lợi nhuận/tài sản phân phối cho nhà đầu tư dựa trên Nghị quyết của Đại hội Nhà đầu tư, phù hợp với Điều lệ của Quỹ và quy định của pháp luật chứng khoán hiện hành.

Lợi nhuận được phân phối cho nhà đầu tư bởi Công ty Quản lý Quỹ sau khi đã khấu trừ mọi khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật.

**4.8 Doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Quỹ nhận được các lợi ích kinh tế một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

*Tiền lãi*

Thu nhập lãi từ các khoản tiền gửi tại ngân hàng, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng và trái phiếu được ghi nhận vào báo cáo hoạt động giữa niên độ trên cơ sở dự thu trừ khi khả năng thu lãi không chắc chắn.

*Cổ tức*

Thu nhập cổ tức được ghi nhận vào báo cáo thu nhập giữa niên độ khi quyền nhận cổ tức của Quỹ được thiết lập.

*Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán*

Thu nhập từ các hoạt động kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo thu nhập giữa niên độ khi nhận được thông báo giao dịch từ Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam ("VSD") đã được kiểm tra bởi Ngân hàng Giám sát (đối với chứng khoán đã niêm yết) và khi hoàn tất hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

**4.9 Chi phí**

Chi phí được ghi nhận trên cơ sở dồn tích và theo nguyên tắc thận trọng.

**4.10 Các bên liên quan**

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Quỹ hoặc chịu sự kiểm soát của Quỹ, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Quỹ là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Quỹ mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Quỹ, những cá nhân quản lý chủ chốt, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những Quỹ liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan. Quỹ căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021**

**4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**

**4.11 Số dư bằng không**

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Thông tư 198/2012/TT-BTC không được thể hiện trong báo cáo tài chính giữa niên độ này thì được hiểu là có số dư bằng không.

**5 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO THU NHẬP GIỮA NIÊN ĐỘ**

**5.1 Tiền lãi được nhận**

|                  | Kỳ sáu tháng<br>kết thúc ngày<br>30 tháng 6<br>năm 2021<br>VND | Kỳ sáu tháng<br>kết thúc ngày<br>30 tháng 6<br>năm 2020<br>VND |
|------------------|----------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|
| Dự thu tiền lãi  | 2.244.162.191                                                  | 3.002.750.684                                                  |
| Tiền lãi đã nhận | 1.128.273.973                                                  | 757.191.781                                                    |
|                  | <u>3.372.436.164</u>                                           | <u>3.759.942.465</u>                                           |

**5.2 Phí dịch vụ lưu ký tài sản của Quỹ mở**

|                                                                   | Kỳ sáu tháng<br>kết thúc ngày<br>30 tháng 6<br>năm 2021<br>VND | Kỳ sáu tháng<br>kết thúc ngày<br>30 tháng 6<br>năm 2020<br>VND |
|-------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|
| Phí dịch vụ lưu ký - bảo quản tài sản (Thuyết minh 8(ii))         | 69.000.000                                                     | 69.000.000                                                     |
| Phí dịch vụ lưu ký - giao dịch chứng khoán<br>(Thuyết minh 8(ii)) | 420.000                                                        | 690.000                                                        |
|                                                                   | <u>69.420.000</u>                                              | <u>69.690.000</u>                                              |

**5.3 Chi phí hoạt động khác**

|                                               | Kỳ sáu tháng<br>kết thúc ngày<br>30 tháng 6<br>năm 2021<br>VND | Kỳ sáu tháng<br>kết thúc ngày<br>30 tháng 6<br>năm 2020<br>VND |
|-----------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|
| Thù lao Ban Đại diện Quỹ (Thuyết minh 8(iii)) | 90.000.000                                                     | 90.000.000                                                     |
| Phí ngân hàng (Thuyết minh 8(ii))             | 9.613.450                                                      | 3.937.450                                                      |
| Phí quản lý thường niên trả cho UBCKNN        | 4.958.904                                                      | 4.972.678                                                      |
| Phí đại lý                                    | 1.100.000                                                      | 1.100.000                                                      |
|                                               | <u>105.672.354</u>                                             | <u>100.010.128</u>                                             |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021

## 6 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

## 6.1 Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền

|                                                                | Tại ngày             |                      |
|----------------------------------------------------------------|----------------------|----------------------|
|                                                                | 30.6.2021<br>VND     | 31.12.2020<br>VND    |
| <b>Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ</b>                |                      |                      |
| Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered<br>(Việt Nam) | 1.321.281.100        | 2.252.557.622        |
|                                                                | <u>1.321.281.100</u> | <u>2.252.557.622</u> |

## 6.2 Các khoản đầu tư

Tất cả các công ty được đầu tư như trên Báo cáo Danh mục đầu tư đều được thành lập tại Việt Nam.

Quỹ không tham gia hàng ngày vào các quyết định chính sách tài chính và hoạt động của các công ty được đầu tư. Theo đó, Quỹ không có ý định kiểm soát hay có ảnh hưởng đáng kể đến các công ty được đầu tư và do đó các khoản đầu tư của Quỹ được ghi nhận trên cơ sở được trình bày ở Thuyết minh 4.2, thay vì được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu hay hợp nhất.

Chi tiết các khoản đầu tư của Quỹ tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 như sau:

|                                                   | Giá mua<br>VND         | Chênh lệch đánh giá lại   |                           | Giá trị đánh<br>giá lại theo giá<br>trị thị trường<br>VND |
|---------------------------------------------------|------------------------|---------------------------|---------------------------|-----------------------------------------------------------|
|                                                   |                        | Chênh lệch<br>tăng<br>VND | Chênh lệch<br>giảm<br>VND |                                                           |
| Hợp đồng tiền gửi có kỳ<br>hạn trên ba (03) tháng | 90.800.000.000         | -                         | -                         | 90.800.000.000                                            |
| Chứng chỉ tiền gửi                                | 15.000.000.000         | -                         | -                         | 15.000.000.000                                            |
|                                                   | <u>105.800.000.000</u> | <u>-</u>                  | <u>-</u>                  | <u>105.800.000.000</u>                                    |

Chi tiết các khoản đầu tư của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 như sau:

|                                                   | Giá mua<br>VND         | Chênh lệch đánh giá lại   |                           | Giá trị đánh<br>giá lại theo giá<br>trị thị trường<br>VND |
|---------------------------------------------------|------------------------|---------------------------|---------------------------|-----------------------------------------------------------|
|                                                   |                        | Chênh lệch<br>tăng<br>VND | Chênh lệch<br>giảm<br>VND |                                                           |
| Hợp đồng tiền gửi có kỳ<br>hạn trên ba (03) tháng | 92.800.000.000         | -                         | -                         | 92.800.000.000                                            |
| Chứng chỉ tiền gửi                                | 10.000.000.000         | -                         | -                         | 10.000.000.000                                            |
|                                                   | <u>102.800.000.000</u> | <u>-</u>                  | <u>-</u>                  | <u>102.800.000.000</u>                                    |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỲ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021

## 6 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

## 6.3 Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận

|                                             | Tại ngày         |                   |
|---------------------------------------------|------------------|-------------------|
|                                             | 30.6.2021<br>VND | 31.12.2020<br>VND |
| Phải thu lãi tiền gửi và chứng chỉ tiền gửi | 3.467.764.384    | 3.570.166.576     |

## 6.4 Chi phí phải trả

|                                               | Tại ngày           |                   |
|-----------------------------------------------|--------------------|-------------------|
|                                               | 30.6.2021<br>VND   | 31.12.2020<br>VND |
| Phí kiểm toán                                 | 76.367.123         | 77.000.000        |
| Thù lao Ban Đại diện Quỹ (Thuyết minh 8(iii)) | 45.000.000         | 4.500.000         |
|                                               | <u>121.367.123</u> | <u>81.500.000</u> |

## 6.5 Phải trả các dịch vụ quản lý Quỹ

|                                                                                | Tại ngày           |                    |
|--------------------------------------------------------------------------------|--------------------|--------------------|
|                                                                                | 30.6.2021<br>VND   | 31.12.2020<br>VND  |
| <b>Phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ</b>                                        |                    |                    |
| Phí quản lý Quỹ (Thuyết minh 8(i))                                             | 81.520.097         | 82.514.120         |
| <b>Phải trả cho Ngân hàng Giám sát và Lưu ký</b><br><b>(Thuyết minh 8(ii))</b> |                    |                    |
| Phí quản trị Quỹ                                                               | 29.150.000         | 29.150.000         |
| Phí giám sát Quỹ                                                               | 17.600.000         | 17.600.000         |
| Phí lưu ký Quỹ                                                                 | 11.500.000         | 11.500.000         |
| Phí lập báo cáo tài chính                                                      | 6.462.500          | 6.462.500          |
|                                                                                | <u>64.712.500</u>  | <u>64.712.500</u>  |
| <b>Phải trả cho đại lý chuyển nhượng</b>                                       |                    |                    |
| Phí đại lý chuyển nhượng                                                       | 11.000.000         | 11.000.000         |
|                                                                                | <u>157.232.597</u> | <u>158.226.620</u> |



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỲ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021

## 6 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

## 6.6 Tình hình biến động vốn chủ sở hữu

|                                                 | Đơn vị         | Số dư tại ngày<br>31.12.2020 | Phát sinh<br>trong kỳ | Số dư tại ngày<br>30.6.2021 |
|-------------------------------------------------|----------------|------------------------------|-----------------------|-----------------------------|
| <b>Vốn góp phát hành</b>                        |                |                              |                       |                             |
| Số lượng                                        | CCQ            | 10.085.349,44                | 1.768,36              | 10.087.117,80               |
| Giá trị ghi theo mệnh giá                       | VND            | 100.853.494.400              | 17.683.600            | 100.871.178.000             |
| Thặng dư vốn                                    | VND            | 213.145.600                  | 1.460.400             | 214.606.000                 |
| <b>Tổng giá trị phát hành<br/>chứng chỉ Quỹ</b> | <b>VND</b>     | <b>101.066.640.000</b>       | <b>19.144.000</b>     | <b>101.085.784.000</b>      |
| <b>Vốn góp mua lại</b>                          |                |                              |                       |                             |
| Số lượng                                        | CCQ            | (49.127,60)                  | (31.162,99)           | (80.290,59)                 |
| Giá trị ghi theo mệnh giá                       | VND            | (491.276.000)                | (311.629.900)         | (802.905.900)               |
| Thặng dư vốn góp mua lại<br>của nhà đầu tư      | VND            | (23.481.217)                 | (29.202.683)          | (52.683.900)                |
| <b>Tổng giá trị mua lại<br/>chứng chỉ Quỹ</b>   | <b>VND</b>     | <b>(514.757.217)</b>         | <b>(340.832.583)</b>  | <b>(855.589.800)</b>        |
| <b>Giá trị vốn góp hiện hành</b>                | <b>VND</b>     | <b>100.551.882.783</b>       | <b>(321.688.583)</b>  | <b>100.230.194.200</b>      |
| Lợi nhuận chưa phân phối                        | VND            | 7.831.114.795                | 2.244.176.766         | 10.075.291.561              |
| <b>NAV hiện hành</b>                            | <b>VND</b>     | <b>108.382.997.578</b>       | <b>1.922.488.183</b>  | <b>110.305.485.761</b>      |
| <b>Số lượng chứng chỉ Quỹ<br/>hiện hành</b>     | <b>CCQ</b>     | <b>10.036.221,84</b>         | <b>(29.394,63)</b>    | <b>10.006.827,21</b>        |
| <b>NAV hiện hành/<br/>1 chứng chỉ Quỹ</b>       | <b>VND/CCQ</b> | <b>10.799,18</b>             |                       | <b>11.023,02</b>            |

## 6.7 Lợi nhuận chưa phân phối

|                                                         | Số dư tại ngày<br>31.12.2020<br>VND | Lợi nhuận<br>trong kỳ<br>VND | Số dư tại ngày<br>30.6.2021<br>VND |
|---------------------------------------------------------|-------------------------------------|------------------------------|------------------------------------|
| Lợi nhuận đã thực hiện<br>(Lỗ)/lợi nhuận chưa thực hiện | 7.831.114.795<br>-                  | 2.244.176.766<br>-           | 10.075.291.561<br>-                |
| Lợi nhuận chưa phân phối                                | 7.831.114.795                       | 2.244.176.766                | 10.075.291.561                     |

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021**

**7 THUYẾT MINH VỀ GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (“NAV”)**

| Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 |               |                 |                                      |                                          |                                 |
|------------------------------------------------|---------------|-----------------|--------------------------------------|------------------------------------------|---------------------------------|
| STT                                            | Ngày tính NAV | NAV<br>VND      | Số lượng<br>chứng chỉ Quỹ<br>("CCQ") | NAV/1 CCQ<br>tại ngày<br>tính NAV<br>VND | Tăng/(giảm)<br>NAV/1 CCQ<br>VND |
| 1                                              | 31/12/2020    | 108.382.997.578 | 10.036.221,84                        | 10.799,18                                | -                               |
| 2                                              | 05/01/2021    | 108.449.228.886 | 10.036.221,84                        | 10.805,78                                | 6,60                            |
| 3                                              | 12/01/2021    | 108.551.883.421 | 10.037.142,64                        | 10.815,02                                | 9,24                            |
| 4                                              | 19/01/2021    | 108.651.544.905 | 10.037.789,88                        | 10.824,25                                | 9,23                            |
| 5                                              | 26/01/2021    | 108.723.653.713 | 10.035.889,88                        | 10.833,48                                | 9,23                            |
| 6                                              | 31/01/2021    | 108.789.843.025 | 10.035.889,88                        | 10.840,08                                | 6,60                            |
| 7                                              | 02/02/2021    | 108.815.691.082 | 10.035.889,88                        | 10.842,65                                | 2,57                            |
| 8                                              | 09/02/2021    | 108.885.306.948 | 10.033.968,19                        | 10.851,67                                | 9,02                            |
| 9                                              | 16/02/2021    | 108.975.743.413 | 10.033.968,19                        | 10.860,68                                | 9,01                            |
| 10                                             | 23/02/2021    | 109.066.137.872 | 10.033.968,19                        | 10.869,69                                | 9,01                            |
| 11                                             | 28/02/2021    | 109.130.717.415 | 10.033.968,19                        | 10.876,13                                | 6,44                            |
| 12                                             | 02/03/2021    | 109.157.175.699 | 10.033.968,19                        | 10.878,76                                | 2,63                            |
| 13                                             | 09/03/2021    | 109.249.759.760 | 10.033.968,19                        | 10.887,99                                | 9,23                            |
| 14                                             | 16/03/2021    | 109.329.108.517 | 10.033.968,19                        | 10.895,90                                | 7,91                            |
| 15                                             | 23/03/2021    | 109.419.262.259 | 10.033.968,19                        | 10.904,88                                | 8,98                            |
| 16                                             | 30/03/2021    | 109.509.576.810 | 10.033.968,19                        | 10.913,89                                | 9,01                            |
| 17                                             | 31/03/2021    | 109.511.565.627 | 10.032.968,19                        | 10.915,17                                | 1,28                            |
| 18                                             | 06/04/2021    | 109.587.669.125 | 10.032.968,19                        | 10.922,76                                | 7,59                            |
| 19                                             | 13/04/2021    | 109.675.247.064 | 10.032.868,19                        | 10.931,59                                | 8,83                            |
| 20                                             | 21/04/2021    | 109.771.803.949 | 10.032.768,19                        | 10.941,33                                | 9,74                            |
| 21                                             | 27/04/2021    | 109.846.186.522 | 10.032.777,31                        | 10.948,73                                | 7,40                            |
| 22                                             | 30/04/2021    | 109.745.094.395 | 10.020.235,61                        | 10.952,35                                | 3,62                            |
| 23                                             | 04/05/2021    | 109.793.832.397 | 10.020.235,61                        | 10.957,21                                | 4,86                            |
| 24                                             | 11/05/2021    | 109.720.615.680 | 10.006.836,01                        | 10.964,57                                | 7,36                            |
| 25                                             | 18/05/2021    | 109.798.428.004 | 10.006.927,21                        | 10.972,24                                | 7,67                            |
| 26                                             | 25/05/2021    | 109.883.346.520 | 10.006.927,21                        | 10.980,73                                | 8,49                            |
| 27                                             | 31/05/2021    | 109.956.060.734 | 10.006.927,21                        | 10.987,99                                | 7,26                            |
| 28                                             | 01/06/2021    | 109.968.084.981 | 10.006.927,21                        | 10.989,20                                | 1,21                            |
| 29                                             | 08/06/2021    | 110.050.751.729 | 10.006.827,21                        | 10.997,57                                | 8,37                            |
| 30                                             | 15/06/2021    | 110.134.502.935 | 10.006.827,21                        | 11.005,94                                | 8,37                            |
| 31                                             | 22/06/2021    | 110.218.213.289 | 10.006.827,21                        | 11.014,30                                | 8,36                            |
| 32                                             | 29/06/2021    | 110.296.064.007 | 10.006.827,21                        | 11.022,08                                | 7,78                            |
| 33                                             | 30/06/2021    | 110.305.485.761 | 10.006.827,21                        | 11.023,02                                | 0,94                            |

**Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ** **109.455.681.697**

**Biến động Giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị chứng chỉ  
Quỹ trong kỳ mức cao nhất** **9,74**

**Biến động Giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị chứng chỉ  
Quỹ trong kỳ thấp nhất** **0,94**



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỲ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021

## 7 THUYẾT MINH VỀ GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (“NAV”) (tiếp theo)

| STT | Ngày tính NAV | Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 |                                      |                                          |                                 |
|-----|---------------|------------------------------------------------|--------------------------------------|------------------------------------------|---------------------------------|
|     |               | NAV<br>VND                                     | Số lượng<br>chứng chỉ Quỹ<br>(“CCQ”) | NAV/1 CCQ<br>tại ngày<br>tính NAV<br>VND | Tăng/(giảm)<br>NAV/1 CCQ<br>VND |
| 1   | 31/12/2019    | 103.421.498.423                                | 10.065.854,92                        | 10.274,49                                | -                               |
| 2   | 01/01/2020    | 103.436.811.069                                | 10.065.854,92                        | 10.276,01                                | 1,52                            |
| 3   | 07/01/2020    | 103.519.550.464                                | 10.064.854,92                        | 10.285,25                                | 9,24                            |
| 4   | 14/01/2020    | 103.607.053.132                                | 10.062.954,92                        | 10.295,89                                | 10,64                           |
| 5   | 21/01/2020    | 103.702.719.975                                | 10.061.843,41                        | 10.306,53                                | 10,64                           |
| 6   | 29/01/2020    | 103.825.138.645                                | 10.061.843,41                        | 10.318,70                                | 12,17                           |
| 7   | 31/01/2020    | 103.855.743.116                                | 10.061.843,41                        | 10.321,74                                | 3,04                            |
| 8   | 04/02/2020    | 103.916.195.464                                | 10.061.843,41                        | 10.327,75                                | 6,01                            |
| 9   | 11/02/2020    | 104.021.966.509                                | 10.061.843,41                        | 10.338,26                                | 10,51                           |
| 10  | 18/02/2020    | 104.118.241.526                                | 10.062.230,30                        | 10.347,43                                | 9,17                            |
| 11  | 25/02/2020    | 104.197.173.199                                | 10.061.230,30                        | 10.356,31                                | 8,88                            |
| 12  | 29/02/2020    | 104.208.220.913                                | 10.057.330,30                        | 10.361,42                                | 5,11                            |
| 13  | 03/03/2020    | 104.247.358.674                                | 10.057.330,30                        | 10.365,31                                | 3,89                            |
| 14  | 10/03/2020    | 104.368.506.200                                | 10.060.210,09                        | 10.374,39                                | 9,08                            |
| 15  | 17/03/2020    | 104.476.168.651                                | 10.060.692,04                        | 10.384,59                                | 10,20                           |
| 16  | 24/03/2020    | 104.652.946.660                                | 10.067.399,09                        | 10.395,23                                | 10,64                           |
| 17  | 31/03/2020    | 104.656.121.822                                | 10.057.399,09                        | 10.405,88                                | 10,65                           |
| 18  | 07/04/2020    | 104.760.795.773                                | 10.057.399,09                        | 10.416,29                                | 10,41                           |
| 19  | 14/04/2020    | 104.860.087.771                                | 10.057.399,09                        | 10.426,16                                | 9,87                            |
| 20  | 21/04/2020    | 104.966.840.051                                | 10.057.878,64                        | 10.436,28                                | 10,12                           |
| 21  | 28/04/2020    | 105.066.448.058                                | 10.057.878,64                        | 10.446,18                                | 9,90                            |
| 22  | 30/04/2020    | 105.096.669.887                                | 10.057.878,64                        | 10.449,19                                | 3,01                            |
| 23  | 05/05/2020    | 105.171.821.284                                | 10.057.878,64                        | 10.456,66                                | 7,47                            |
| 24  | 12/05/2020    | 105.278.245.379                                | 10.057.878,64                        | 10.467,24                                | 10,58                           |
| 25  | 19/05/2020    | 105.389.650.297                                | 10.058.356,31                        | 10.477,82                                | 10,58                           |
| 26  | 26/05/2020    | 105.495.621.121                                | 10.058.356,31                        | 10.488,36                                | 10,54                           |
| 27  | 31/05/2020    | 105.571.603.358                                | 10.058.356,31                        | 10.495,91                                | 7,55                            |
| 28  | 02/06/2020    | 105.601.800.342                                | 10.058.356,31                        | 10.498,91                                | 3,00                            |
| 29  | 09/06/2020    | 105.707.467.684                                | 10.058.356,31                        | 10.509,42                                | 10,51                           |
| 30  | 16/06/2020    | 105.813.116.838                                | 10.058.356,31                        | 10.519,92                                | 10,50                           |
| 31  | 23/06/2020    | 105.919.612.218                                | 10.058.831,58                        | 10.530,01                                | 10,09                           |
| 32  | 30/06/2020    | 106.012.733.310                                | 10.058.831,58                        | 10.539,27                                | 9,26                            |

Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ

104.740.225.976

Biến động Giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị chứng chỉ  
Quỹ trong kỳ mức cao nhất

12,17

Biến động Giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị chứng chỉ  
Quỹ trong kỳ thấp nhất

1,52



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỲ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021

## 8 NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

## i) Công ty Quản lý Quỹ

|                                        | Kỳ sáu tháng<br>kết thúc ngày 30<br>tháng 6 năm 2021 | Kỳ sáu tháng<br>kết thúc ngày 30<br>tháng 6 năm 2020 |
|----------------------------------------|------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|
| <b>Giao dịch trong kỳ</b>              |                                                      |                                                      |
| Phí quản lý Quỹ                        | 488.635.221                                          | 468.886.350                                          |
| Phí phát hành và mua lại Chứng chỉ quỹ | 254.176                                              | 1.499.756                                            |
|                                        | <u>                    </u>                          | <u>                    </u>                          |
|                                        | <b>Tại ngày</b>                                      |                                                      |
|                                        | <b>30.6.2021</b>                                     | <b>31.12.2020</b>                                    |
|                                        | <b>VND</b>                                           | <b>VND</b>                                           |
| <b>Số dư cuối kỳ</b>                   |                                                      |                                                      |
| Phí quản lý Quỹ phải trả               | 81.520.097                                           | 82.514.120                                           |
|                                        | <u>                    </u>                          | <u>                    </u>                          |

Phí quản lý Quỹ được tính hàng tuần dựa trên số ngày thực tế trong giai đoạn định giá và giá trị tài sản ròng của Quỹ tại ngày trước ngày định giá. Tỷ lệ phí quản lý Quỹ hàng năm là 0,9% của giá trị tài sản ròng của Quỹ. Giá dịch vụ quản lý Quỹ không được vượt quá mức tối đa theo quy định của Pháp luật.

ii) Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered (Việt Nam) ("Standard Chartered").  
Ngân hàng Giám sát và Lưu ký

|                                                | Kỳ sáu tháng<br>kết thúc ngày 30<br>tháng 6 năm 2021<br>VND | Kỳ sáu tháng<br>kết thúc ngày 30<br>tháng 6 năm 2020<br>VND |
|------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|
| <b>Giao dịch trong kỳ</b>                      |                                                             |                                                             |
| Phí quản trị Quỹ (*)                           | 174.900.000                                                 | 174.900.000                                                 |
| Phí giám sát Quỹ (*)                           | 105.600.000                                                 | 105.600.000                                                 |
| Phí dịch vụ lưu ký Quỹ (*)                     | 69.000.000                                                  | 69.000.000                                                  |
| Phí lập báo cáo tài chính                      | 38.775.000                                                  | 19.387.500                                                  |
| Phí ngân hàng                                  | 9.613.450                                                   | 3.937.450                                                   |
| Phí dịch vụ lưu ký – giao dịch chứng khoán     | 420.000                                                     | 690.000                                                     |
|                                                | <u>                    </u>                                 | <u>                    </u>                                 |
|                                                | <b>Tại ngày</b>                                             |                                                             |
|                                                | <b>30.6.2021</b>                                            | <b>31.12.2020</b>                                           |
|                                                | <b>VND</b>                                                  | <b>VND</b>                                                  |
| <b>Số dư cuối kỳ</b>                           |                                                             |                                                             |
| Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ                     | 1.321.281.100                                               | 2.252.557.622                                               |
| Phí dịch vụ phải trả cuối kỳ (Thuyết minh 6.5) | 64.712.500                                                  | 64.712.500                                                  |
|                                                | <u>                    </u>                                 | <u>                    </u>                                 |

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021**

**8 NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

- (\*) Các phí này được tính hàng tuần dựa trên số ngày thực tế trong kỳ định giá và giá trị tài sản ròng của Quỹ tại ngày định giá. Giá dịch vụ giám sát Quỹ và dịch vụ quản trị Quỹ thuộc đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng với mức thuế suất 10%.

Tỷ lệ giá dịch vụ lưu ký, giám sát và quản trị Quỹ trong kỳ lần lượt như sau:

| Giá dịch vụ              | % giá dịch vụ/NAV | Mức tối thiểu           |
|--------------------------|-------------------|-------------------------|
| Giá dịch vụ lưu ký Quỹ   | 0,05%             | 11 triệu 500 Đồng/tháng |
| Giá dịch vụ giám sát Quỹ | 0,03%             | 16 triệu Đồng/tháng     |
| Giá dịch vụ quản trị Quỹ | 0,04%             | 26 triệu 500 Đồng/tháng |

*iii) Thù lao cho Ban Đại diện Quỹ*

|                                               | Kỳ sáu tháng<br>kết thúc ngày 30<br>tháng 6 năm 2021<br>VND | Kỳ sáu tháng<br>kết thúc ngày 30<br>tháng 6 năm 2020<br>VND |
|-----------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|
| <b>Giao dịch trong kỳ</b>                     |                                                             |                                                             |
| Thù lao cho Ban Đại diện Quỹ                  | 90.000.000                                                  | 90.000.000                                                  |
|                                               | <u>                    </u>                                 | <u>                    </u>                                 |
|                                               | <b>Tại ngày</b>                                             |                                                             |
|                                               | <b>30.6.2021</b>                                            | <b>31.12.2020</b>                                           |
|                                               | <b>VND</b>                                                  | <b>VND</b>                                                  |
| <b>Số dư cuối kỳ</b>                          |                                                             |                                                             |
| Thù lao cho Ban Đại diện Quỹ phải trả cuối kỳ | 45.000.000                                                  | 4.500.000                                                   |
|                                               | <u>                    </u>                                 | <u>                    </u>                                 |

Ngoài tiền thù lao, không có bất kỳ hợp đồng nào mà theo đó Quỹ và bất kỳ thành viên của Ban Đại diện Quỹ là một bên tham gia ký kết hợp đồng trong trường hợp thành viên Ban Đại diện Quỹ có lợi ích quan trọng trong hợp đồng. Thù lao cho Ban Đại diện Quỹ được ghi nhận là chi phí của Quỹ trong báo cáo thu nhập giữa niên độ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021**

**9 CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG QUỸ MỞ**

|                                                                                                                                     | Kỳ sáu tháng<br>kết thúc ngày<br>30 tháng 6<br>năm 2021<br>(*) | Kỳ sáu tháng<br>kết thúc ngày<br>30 tháng 6<br>năm 2020<br>(**) |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|
| <b>I Các chỉ tiêu về hiệu quả hoạt động đầu tư</b>                                                                                  |                                                                |                                                                 |
| 1 Chi phí hoạt động/NAV trung bình trong kỳ (%)                                                                                     | 2,06%                                                          | 2,09%                                                           |
| 2 Tốc độ vòng quay danh mục trong kỳ = (Tổng giá trị danh mục mua vào + tổng giá trị danh mục bán ra)/2/NAV trung bình trong kỳ (%) | 13,70%                                                         | 9,55%                                                           |

(\*) Chỉ tiêu 1 và 2 của "Các chỉ tiêu về hiệu quả hoạt động đầu tư" cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2021 đến ngày 30 tháng 6 năm 2021 đã được điều chỉnh để phản ánh số liệu trên cơ sở hoạt động tròn năm bằng cách nhân các chỉ tiêu này với 2.

(\*\*) Chỉ tiêu 1 và 2 của "Các chỉ tiêu về hiệu quả hoạt động đầu tư" cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2020 đến ngày 30 tháng 6 năm 2020 đã được điều chỉnh để phản ánh số liệu trên cơ sở hoạt động tròn năm bằng cách nhân các chỉ tiêu này với 2.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021**

**9 CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG QUỸ MỞ (tiếp theo)**

|           |                                                                                              | Kỳ sáu tháng<br>kết thúc ngày<br>30 tháng 6<br>năm 2021 | Kỳ sáu tháng<br>kết thúc ngày<br>30 tháng 6<br>năm 2020 |
|-----------|----------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------|
| <b>II</b> | <b>Các chỉ tiêu khác</b>                                                                     |                                                         |                                                         |
| <b>1</b>  | <b>Quy mô Quỹ đầu kỳ<br/>(tính theo mệnh giá chứng chỉ Quỹ)</b>                              |                                                         |                                                         |
|           | Tổng giá trị chứng chỉ quỹ đang lưu hành đầu kỳ                                              | 100.362.218.400                                         | 100.658.549.200                                         |
|           | Tổng số lượng đơn vị quỹ đang lưu hành đầu kỳ                                                | 10.036.221,84                                           | 10.065.854,92                                           |
| <b>2</b>  | <b>Thay đổi quy mô Quỹ trong kỳ (tính theo<br/>mệnh giá chứng chỉ Quỹ)</b>                   |                                                         |                                                         |
|           | Số lượng đơn vị quỹ phát hành thêm trong kỳ                                                  | 1.768,36                                                | 12.276,66                                               |
|           | Giá trị vốn góp phát hành thêm trong kỳ (theo<br>mệnh giá)                                   | 17.683.600                                              | 122.766.600                                             |
|           | Số lượng đơn vị quỹ mua lại trong kỳ                                                         | (31.162,99)                                             | (19.300,00)                                             |
|           | Giá trị vốn góp mua lại trong kỳ khi đáp ứng<br>lệnh của nhà đầu tư (theo mệnh giá)          | (311.629.900)                                           | (193.000.000)                                           |
| <b>3</b>  | <b>Quy mô Quỹ cuối kỳ (tính theo mệnh giá<br/>chứng chỉ quỹ)</b>                             |                                                         |                                                         |
|           | Tổng giá trị chứng chỉ quỹ đang lưu hành cuối kỳ                                             | 100.068.272.100                                         | 100.588.315.800                                         |
|           | Tổng số lượng đơn vị quỹ đang lưu hành cuối kỳ                                               | 10.006.827,21                                           | 10.058.831,58                                           |
| <b>4</b>  | <b>Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của Công ty<br/>Quản lý Quỹ và người có liên quan cuối kỳ</b> | <b>99,56%</b>                                           | <b>99,05%</b>                                           |
| <b>5</b>  | <b>Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của 10 nhà đầu<br/>tư lớn nhất cuối kỳ</b>                    | <b>99,79%</b>                                           | <b>99,58%</b>                                           |
| <b>6</b>  | <b>Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư<br/>nước ngoài cuối kỳ</b>                     | <b>99,53%</b>                                           | <b>99,01%</b>                                           |
| <b>7</b>  | <b>Số nhà đầu tư tham gia vào quỹ cuối kỳ</b>                                                | <b>132</b>                                              | <b>138</b>                                              |
| <b>8</b>  | <b>NAV/ đơn vị quỹ cuối kỳ</b>                                                               | <b>11.023,02</b>                                        | <b>10.539,27</b>                                        |

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỲ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021****10 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH VÀ GIÁ TRỊ HỢP LÝ**

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Kế toán Quốc tế về trình bày và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210/2009/TT-BTC ") có hiệu lực cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2011. Thông tư 210/2009/TT-BTC đã đưa ra các định nghĩa về công cụ tài chính, cách thức phân loại, trình bày và thuyết minh, trong đó bao gồm các chính sách quản lý rủi ro tài chính và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính.

Quỹ có nguy cơ gặp các rủi ro từ các công cụ tài chính như sau:

- Rủi ro tín dụng;
- Rủi ro thanh khoản; và
- Rủi ro thị trường.

Danh mục đầu tư của Quỹ bao gồm: chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng và tiền gửi ngân hàng. Ban Điều hành của Công ty Quản lý Quỹ được có toàn quyền trong việc quản lý tài sản của Quỹ theo đúng mục tiêu đầu tư của Quỹ. Ngân hàng Giám sát giám sát việc tuân thủ phân bổ các tài sản và cơ cấu danh mục đầu tư theo cơ sở hàng ngày. Trong trường hợp danh mục đầu tư khác với mục tiêu phân bổ tài sản. Ban Điều hành của Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ cân bằng lại danh mục đầu tư theo đúng mục tiêu đã định.

**(a) Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà Quỹ phải gánh chịu tổn thất tài chính do một bên tham gia trong một công cụ tài chính không thực hiện nghĩa vụ hoặc cam kết đã ký kết với Quỹ. Rủi ro này phát sinh chủ yếu từ tiền gửi ngân hàng và chứng chỉ tiền gửi.

Tất cả các khoản tiền gửi có kỳ hạn và không kỳ hạn được gửi tại các tổ chức tín dụng mà Quỹ cho là sẽ không có bất kỳ khoản tổn thất nào phát sinh từ việc vi phạm của các tổ chức tín dụng này.

Các khoản phải thu từ hoạt động đầu tư bao gồm phải thu lãi từ tiền gửi ngân hàng và chứng chỉ tiền gửi. Rủi ro tín dụng liên quan đến các khoản phải thu được đánh giá thấp do các bên đối tác có chỉ số tín dụng ở mức an toàn và các khoản phải thu có thời hạn thanh toán ngắn. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa mà Quỹ có thể gặp phải bằng với giá trị ghi sổ của tiền gửi ngân hàng và chứng chỉ tiền gửi.

**(b) Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Quỹ sẽ gặp khó khăn trong việc thực hiện các nghĩa vụ gắn liền với các khoản nợ phải trả tài chính mà các khoản nợ này sẽ được thanh toán bằng tiền hoặc tài sản tài chính khác. Quỹ có rủi ro thanh khoản cao do phải đáp ứng yêu cầu mua lại chứng chỉ Quỹ từ các nhà đầu tư.

Phương pháp quản lý rủi ro thanh khoản của Quỹ là duy trì một danh mục tài sản có tính thanh khoản cao, bao gồm tiền và chứng khoán niêm yết, nhằm đảm bảo khả năng đáp ứng các yêu cầu thanh toán trong ngắn hạn và dài hạn.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, tất cả các khoản nợ phải trả của Quỹ có thời hạn thanh toán dưới 1 năm.

Tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ, Quỹ không có các khoản nợ liên quan đến công cụ tài chính phái sinh.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỲ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021****10 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH VÀ GIÁ TRỊ HỢP LÝ (tiếp theo)****(c) Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà lợi nhuận của Quỹ hoặc giá trị của các công cụ tài chính do Quỹ nắm giữ sẽ bị ảnh hưởng do những thay đổi của giá trị thị trường như thay đổi về lãi suất, tỷ giá hối đoái và giá thị trường.

***Rủi ro lãi suất***

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc dòng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính của Quỹ sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro này phát sinh khi lãi suất thị trường tăng thì những khoản đầu tư có thu nhập cố định của Quỹ như: trái phiếu công ty, trái phiếu Chính phủ bị giảm giá trị, đặc biệt là những khoản đầu tư có thời gian đáo hạn dài.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Quỹ là rất nhỏ vì hầu hết các khoản tiền gửi và chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng của Quỹ đều hưởng lãi suất cố định.

***Rủi ro tiền tệ***

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính của Quỹ bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá. Quỹ không bị ảnh hưởng bởi rủi ro tiền tệ do các tài sản và các khoản nợ của Quỹ là có gốc tiền tệ là tiền Đồng Việt Nam cũng là đơn vị tiền tệ kế toán của Quỹ.

**(d) Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính**

Tài sản tài chính của Quỹ bao gồm:

- Tiền và các khoản tương đương tiền;
- Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 3 tháng; và
- Chứng chỉ tiền gửi;

Nợ phải trả tài chính của Quỹ là các nghĩa vụ mang tính bắt buộc để thanh toán tiền hoặc tài sản tài chính cho đơn vị khác hoặc trao đổi các tài sản tài chính hoặc nợ phải trả tài chính với đơn vị khác theo các điều kiện không có lợi cho Quỹ hoặc là các hợp đồng sẽ hoặc có thể được thanh toán bằng các công cụ vốn chủ sở hữu của Quỹ.

Giá trị hợp lý là giá trị mà một tài sản có thể được trao đổi, hoặc một khoản nợ phải trả có thể được thanh toán giữa các bên có đầy đủ hiểu biết, mong muốn giao dịch, trong một giao dịch trao đổi ngang giá.

Phương pháp xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính hiện chưa được đề cập trong Thông tư 210/2009/TT-BTC cũng như trong các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Thông tư 198/2012/TT-BTC, Thông tư 181/2015/TT-BTC, Thông tư 98/2020/TT-BTC và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho quỹ mở.

Do đó, Quỹ áp dụng phương pháp định giá tài sản ròng theo Thông tư 98/2020/TT-BTC, Điều lệ Quỹ và Sổ tay Định giá đã được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt để xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền và các khoản đầu tư tài chính. Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính khác và các khoản nợ phải trả tài chính được xác định bằng giá trị ghi sổ do các công cụ tài chính này có kỳ hạn ngắn.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỲ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021**
**10 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH VÀ GIÁ TRỊ HỢP LÝ (tiếp theo)**
**(d) Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính (tiếp theo)**

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Quỹ tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và 31 tháng 12 năm 2020 như sau:

|                                                                        | Giá trị ghi sổ         |                        | Giá trị hợp lý         |                        |
|------------------------------------------------------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
|                                                                        | 30.6.2021<br>VND       | 31.12.2020<br>VND      | 30.6.2021<br>VND       | 31.12.2020<br>VND      |
| <b>Tài sản tài chính</b>                                               |                        |                        |                        |                        |
| Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền                                 | 1.321.281.100          | 2.252.557.622          | 1.321.281.100          | 2.252.557.622          |
| Các khoản đầu tư thuần                                                 | 105.800.000.000        | 102.800.000.000        | 105.800.000.000        | 102.800.000.000        |
| - Chứng chỉ tiền gửi                                                   | 15.000.000.000         | 10.000.000.000         | 15.000.000.000         | 10.000.000.000         |
| - Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn trên ba (3) tháng                        | 90.800.000.000         | 92.800.000.000         | 90.800.000.000         | 92.800.000.000         |
| Phải thu ròng về thu nhập cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư            | 3.467.764.384          | 3.570.166.576          | 3.467.764.384          | 3.570.166.576          |
| - Phải thu tiền lãi các khoản đầu tư                                   | 3.467.764.384          | 3.570.166.576          | 3.467.764.384          | 3.570.166.576          |
| <b>Tổng cộng</b>                                                       | <b>110.589.045.484</b> | <b>108.622.724.198</b> | <b>110.589.045.484</b> | <b>108.622.724.198</b> |
| <b>Nợ phải trả tài chính</b>                                           |                        |                        |                        |                        |
| Phải trả cho các đại lý phân phối chứng chỉ Quỹ và Công ty Quản lý Quỹ | -                      | -                      | -                      | -                      |
| Chi phí phải trả (Thuyết minh 6.4)                                     | 121.367.123            | 81.500.000             | 121.367.123            | 81.500.000             |
| Phải trả các dịch vụ quản lý Quỹ (Thuyết minh 6.5)                     | 157.232.597            | 158.226.620            | 157.232.597            | 158.226.620            |
| Phải trả cho Nhà đầu tư về mua Chứng chỉ quỹ                           | -                      | -                      | -                      | -                      |
| Phải trả, phải nộp khác                                                | 4.958.904              | -                      | 4.958.904              | -                      |
| <b>Tổng cộng</b>                                                       | <b>283.558.624</b>     | <b>239.726.620</b>     | <b>283.558.624</b>     | <b>239.726.620</b>     |



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỲ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021**

**11 SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

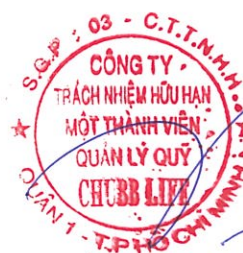
Không có sự kiện phát sinh sau ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ cần điều chỉnh hoặc trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ.

**12 PHÊ CHUẨN PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 được Ban Đại diện Quỹ phê chuẩn để phát hành vào ngày 13 tháng 8 năm 2021.



Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ  
Chubb Life  
Đỗ Thị Thu Nguyệt  
Người lập/ Kế toán Quỹ  
Ngày 13 tháng 8 năm 2021



Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ  
Chubb Life  
Bùi Thanh Hiệp  
Phó chủ tịch Công ty  
Ngày 13 tháng 8 năm 2021